ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI NGỮ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

DỰ THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC TIẾNG ANH CHUẨN ĐẦU RA CHO SINH VIÊN CÁC CƠ SỞ Đ
KỲ THI NGÀY 29/11/2026

Địa điểm thi: Trường Đại học Ngoại ngữ (131 Lương Nhữ Hộc, Phường Cẩm Lệ, Đà Nẵng) - TẦNG 4
Thời gian các ca thi: Ca 1: 7h00 - 11h30; Ca 2: 13h00 – 17h00; Ca 3: 17h30 - 21h30

TT	SBD	Họ	và tên	Số thẻ SV	Lớp	Ca	Phòng	SV Trường
1	291101	Võ Thành	An	106200117	20DTCLC2	1	01 (A202)	ĐHBK
2	291102	Nguyễn Thúc Thiên	Ân	101250050	25C1B	1	01 (A202)	ĐHBK
3	291103	Đặng Tuấn	Anh	105220136	22D4	1	01 (A202)	ĐHBK
4	291104	Hoàng Tuấn	Anh	109210171	21X3B	1	01 (A202)	ĐHBK
5	291105	Huỳnh Tuấn	Anh	101250147	25C1D	1	01 (A202)	ĐHBK
6	291106	Lê Thị Quỳnh	Anh	118220049	22KX2	1	01 (A202)	ĐHBK
7	291107	Nguyễn Đăng	Anh	103200074	20C4CLC1	1	01 (A202)	ĐHBK
8	291108	Nguyễn Quang	Anh	121190004	19KTCLC1	1	01 (A202)	ĐHBK
9	291109	Nguyễn Võ Tuấn	Anh	110220129	22X1C	1	01 (A202)	ĐHBK
10	291110	Trần Thế	Anh	103220047	22C4B	1	01 (A202)	ĐHBK
11	291111	Trương Văn	Anh	121220002	22KT1	1	01 (A202)	ĐHBK
12	291112	Lê Văn	Bắc	109220128	22CSHT	1	01 (A202)	ĐHBK
13	291113	Nguyễn Quốc	Bảo	101220126	22C1C	1	01 (A202)	ĐHBK
14	291114	Văn Thị Thanh	Bích	107210155	21H2CLC2	1	01 (A202)	ĐHBK
15	291115	Đinh Xuân	Bình	121220003	22KT1	1	01 (A202)	ĐHBK
16	291116	Hồ Viết	Châu	109230065	23X3	1	01 (A202)	ĐHBK
17	291117	Hồ Ngọc	Chiến	105220049	22D2	1	01 (A202)	ĐHBK
18	291118	Trần Mạnh	Cường	117240008	24MT	1	01 (A202)	ĐHBK
19	291119	Trần Văn Hà	Dân	103210159	21C4CLC2	1	01 (A202)	ĐHBK
20	291120	Lê Mạnh	Đạt	121200061	20KTCLC	1	01 (A202)	ĐHBK
21	291121	Lê Thành	Đạt	101220008	22C1A	1	01 (A202)	ĐHBK
22	291122	Phạm Tiến	Đạt	101220009	22C1A	1	01 (A202)	ĐHBK
23	291123	Phạm Tuấn	Đạt	109220099	22X3B	1	01 (A202)	ĐHBK
24	291124	Vương Ngọc	Đạt	107210326	21KTHH2	1	01 (A202)	ĐHBK
25	291125	Chu Đình	Điệp	101200155	20C1C	1	01 (A202)	ĐHBK
26	291126	Nguyễn Cảnh	Đính	107210015	21H5	1	01 (A202)	ĐHBK
27	291127	Nguyễn Ngọc Thế	Duân	106240318	24VDT	1	01 (A202)	ĐHBK
28	291128	Đào Danh	Đức	106240325	24VDT	1	01 (A202)	ĐHBK
29	291129	Huỳnh Minh	Đức	118210057	21KXCLC	1	01 (A202)	ĐHBK
30	291130	Trịnh Ngọc	Dũng	103200186	20C4CLC4	1	02 (A203)	ĐHBK
31	291131	Đoàn Huỳnh Minh	Duy	106220010	22DT1	1	02 (A203)	ĐHBK
32	291132	Đoàn Quý Tư	Duy	107220185	22KTHH1	1	02 (A203)	ĐHBK
33	291133	Nguyễn Văn Nguyên	Duy	101190150	19C1C	1	02 (A203)	ĐHBK
34	291134	Võ Tấn	Duy	101170098	17C1B	1	02 (A203)	ĐHBK
35	291135	Cao Bảo	Giang	121220005	22KT1	1	02 (A203)	ĐHBK
36	291136	Huỳnh Lê Đông	Giang	121240073	24KT2	1	02 (A203)	ĐHBK
37	291137	Đặng Sỹ	Giáp	101220077	22C1B	1	02 (A203)	ĐHBK
38	291138	Hồ Thị Minh	Hà	107210161	21H2CLC2	1	02 (A203)	ĐHBK
39	291139	Trần Thu	Hằng	107250404	25H2C	1	02 (A203)	ĐHBK
40	291140	Phạm Duy	Hảo	101220018	22C1A	1	02 (A203)	ĐHBK
41	291141	Phạm Chí	Hiệp	101220019	22C1A	1	02 (A203)	ĐHBK

TT	SBD	Họ	và tên	Số thẻ SV	Lớp	Ca	Phòng	SV Trường
42	291142	Lê Đắc	Hiếu	109210104	21VLXD	1	02 (A203)	ĐHBK
43	291143	Lê Trung	Hiếu	101220081	22C1B	1	02 (A203)	ĐHBK
44	291144	Mai Văn	Hiếu	105210370	21TDHCLC2	1	02 (A203)	ĐHBK
45	291145	Nguyễn Công	Hiếu	101210046	21CDT1	1	02 (A203)	ĐHBK
46	291146	Nguyễn Quý Trung	Hiếu	107210029	21KTHH1	1	02 (A203)	ĐHBK
47	291147	Phạm Văn Trung	Hiếu	105210060	21DCLC1	1	02 (A203)	ĐHBK
48	291148	Nguyễn Thị Thu	Hoài	107220229	22KTHH2	1	02 (A203)	ĐHBK
49	291149	Huỳnh Văn Minh	Hoàng	105210129	21D1	1	02 (A203)	ĐHBK
50	291150	Lê Đỗ Nhật	Hoàng	118210121	21KXCLC	1	02 (A203)	ĐHBK
51	291151	Nguyễn Đình Vũ	Hoàng	109230076	23X3	1	02 (A203)	ĐHBK
52	291152	Nguyễn Văn	Hoàng	109230077	23X3	1	02 (A203)	ĐHBK
53	291153	Trần Đình	Hoàng	105200265	20DCLC4	1	02 (A203)	ĐHBK
54	291154	Cao Thị Ánh	Hồng	107220190	22KTHH1	1	02 (A203)	ĐHBK
55	291155	Huỳnh Châu	Hưng	103200084	20C4CLC1	1	02 (A203)	ĐHBK
56	291156	Ngô Phùng	Hưng	121190015	19KTCLC1	1	02 (A203)	ĐHBK
57	291157	Nguyễn Ngọc	Hưng	103220187	22KTOTO1	1	02 (A203)	ĐHBK
58	291158	Nguyễn Tấn	Hưng	118220010	22KX1	1	02 (A203)	ĐHBK
59	291159	Nguyễn Đình	Hướng	105220106	22D3	1	03 (A401)	ĐHBK
60	291160	Trần Văn	Hữu	102200051	20TCLC_DT 1	1	03 (A401)	ĐHBK
61	291161	Lương Nguyễn Gia	Huy	107220192	22KTHH1	1	03 (A401)	ĐHBK
62	291162	Mai Hữu	Huy	109220102	22X3B	1	03 (A401)	ĐHBK
63	291163	Nguyễn Văn	Huy	106200162	20DTCLC3	1	03 (A401)	ĐHBK
64	291164	Phan Quốc	Huy	109210189	21X3B	1	03 (A401)	ĐHBK
65	291165	Phan Văn Quốc	Huy	104220056	22N2	1	03 (A401)	ĐHBK
66	291166	Nguyễn Thị Diệu	Huyền	107200105	20H2CLC	1	03 (A401)	ĐHBK
67	291167	Bùi Nguyễn Quốc	Kha	101230020	23C1A	1	03 (A401)	ĐHBK
68	291168	Võ Nguyện	Khâm	105200366	20TDHCLC1	1	03 (A401)	ĐHBK
69	291169	Dương Phúc	Khang	105210088	21TDHCLC1	1	03 (A401)	ĐHBK
70	291170	Phạm Hưng	Khang	103220020	22C4A	1	03 (A401)	ĐHBK
71	291171	Nguyễn Vũ	Khiêm	105200166	20DCLC1	1	03 (A401)	ĐHBK
72	291172	Trương Văn	Khoa	110220153	22X1C	1	03 (A401)	ĐHBK
73	291173	Nguyễn Quốc	Khôi	106250136	25DT1	1	03 (A401)	ĐHBK
74	291174	Nguyễn Công	Kiên	103210048	21HTCN	1	03 (A401)	ĐHBK
75	291175	Đỗ Tuấn	Kiệt	117210072	21QLMT	1	03 (A401)	ĐHBK
76	291176	Hoàng Tuấn	Kiệt	111220084	22X2	1	03 (A401)	ĐHBK
77	291177	Lê Viết	Kiệt	105210199	21DCLC2	1	03 (A401)	ĐHBK
78	291178	Trương Hoàng	Lâm	105200369	20TDHCLC1	1	03 (A401)	ĐHBK
79	291179	Nguyễn Thanh	Lân	110220155	22X1C	1	03 (A401)	ĐHBK
80	291180	Dương Phương	Linh	118250022	25QLCN1	1	03 (A401)	ĐHBK
81	291181	Dương Vy	Linh	121200069	20KTCLC	1	03 (A401)	ĐHBK
82	291182	Lê Thùy	Linh	118250023	25QLCN1	1	03 (A401)	ĐHBK
83	291183	Lê Viết Hoài	Linh	109220073	22X3A	1	03 (A401)	ĐHBK
84	291184	Lương Nguyễn Nhật	Linh	117220009	22MT	1	03 (A401)	ĐHBK
85	291185	Võ Thị Kim	Linh	107210170	21H2CLC2	1	03 (A401)	ĐHBK
86	291186	Trần Duy	Lộc	106200132	20DTCLC2	1	03 (A401)	ĐHBK
87	291187	Bùi Hoàng	Long	110220156	22X1C	1	04 (A402)	ĐHBK
88	291188	Hoàng Thành	Long	110220093	22X1B	1	04 (A402)	ĐHBK
89	291189	Lý Nhật	Long	101250072	25C1B	1	04 (A402)	ĐHBK
90	291190	Nguyễn Công Tuấn	Long	104240030	24N1	1	04 (A402)	ĐHBK

TT	SBD	Họ	và tên	Số thẻ SV	Lớp	Ca	Phòng	SV Trường
91	291191	Nguyễn Ngọc Thành	Long	101210320	21CDTCLC1	1	04 (A402)	ĐHBK
92	291192	Võ Đức	Long	104250030	25N1	1	04 (A402)	ĐHBK
93	291193	Nguyễn Quang	Lực	107240221	24H5B	1	04 (A402)	ĐHBK
94	291194	Bùi Bá	Mạnh	109210193	21X3B	1	04 (A402)	ĐHBK
95	291195	Hồ Xuân	Mạnh	103220070	22C4B	1	04 (A402)	ĐHBK
96	291196	Ngô Lê Ngọc	Minh	121200074	20KTCLC	1	04 (A402)	ĐHBK
97	291197	Nguyễn Thị	Minh	118220175	22QLCN2	1	04 (A402)	ĐHBK
98	291198	Lê Thị Như	Mộng	121190027	19KTCLC1	1	04 (A402)	ĐHBK
99	291199	La Thị Dương Quốc	Mỹ	118230123	23QLCN3	1	04 (A402)	ĐHBK
100	291200	Đoàn Thị Kiều	Na	117220012	22MT	1	04 (A402)	ĐHBK
101	291201	Lê Hoài	Nam	121190073	19KTCLC2	1	04 (A402)	ĐHBK
102	291202	Lê Huy	Nam	101200111	20C1B	1	04 (A402)	ĐHBK
103	291203	Lê Xuân Nhật	Nam	101250076	25C1B	1	04 (A402)	ĐHBK
104	291204	Mai Xuân	Nam	101200178	20C1C	1	04 (A402)	ĐHBK
105	291205	Nguyễn Hữu	Nam	101190105	19C1B	1	04 (A402)	ĐHBK
106	291206	Trần Như Phương	Nam	103230166	23HTCN	1	04 (A402)	ĐHBK
107	291207	Nguyễn Phước	Nghĩa	103220072	22C4B	1	04 (A402)	ĐHBK
108	291208	Nguyễn Xuân	Nghĩa	106240082	24DT2	1	04 (A402)	ĐHBK
109	291209	Phan Trung	Nghĩa	103220118	22C4C	1	04 (A402)	ĐHBK
110	291210	Lê Thị Bích	Ngọc	107210180	21H2CLC2	1	04 (A402)	ĐHBK
111	291211	Trần Hoàng Bảo	Ngọc	109230092	23X3	1	04 (A402)	ĐHBK
112	291212	Đinh Khắc Trọng	Nguyên	109200136	20X3	1	04 (A402)	ĐHBK
113	291213	Nguyễn Đình	Nguyên	105220026	22D1	1	04 (A402)	ĐHBK
114	291214	Trần Nguyễn Trân	Nguyên	121210101	21KT2	1	04 (A402)	ĐHBK
115	291215	Nguyễn Hữu	Nhã	101210027	21C1A	1	05 (A403)	ĐHBK
116	291216	Hồ Trộng	Nhân	106250249	25DT3	1	05 (A403)	ĐHBK
117	291217	Nguyễn Phước	Nhân	110220163	22X1C	1	05 (A403)	ĐHBK
118	291218	Trương Toàn Minh	Nhật	123210040	21PFIEV2	1	05 (A403)	ĐHBK
119	291219	Dương Văn	Nhựt	121190031	19KTCLC1	1	05 (A403)	ĐHBK
120	291220	Nguyễn Ngọc	Phát	105210245	21DCLC3	1	05 (A403)	ĐHBK
121	291221	Lê Vũ Hải	Phong	103230171	23HTCN	1	05 (A403)	ĐHBK
122	291222	Nguyễn Tông	Phong	109210092	21CSHT	1	05 (A403)	ĐHBK
123	291223	Phan Văn Huy	Phong	103210274	21KTOTO2	1	05 (A403)	ĐHBK
124	291224	Trần Nguyễn Lê	Phong	107170099	17H5CLC	1	05 (A403)	ĐHBK
125	291225	Hoàng Như Hữu	Phúc	101210231	21C1D	1	05 (A403)	ĐHBK
126	291226	Phạm Lê Hồng	Phúc	121190078	19KTCLC2	1	05 (A403)	ĐHBK
127	291227	Ca Hữu	Phước	101220167	22C1C	1	05 (A403)	ĐHBK
128	291228	Lê Hoàng	Phước	107230054	23SH2	1	05 (A403)	ĐHBK
129	291229	Dương Công	Quân	105210394	21TDHCLC2	1	05 (A403)	ĐHBK
130	291230	Huỳnh Nhật	Quân	110210084	21X1A	1	05 (A403)	ĐHBK
131	291231	Lê Mạnh	Quân	109220114	22X3B	1	05 (A403)	ĐHBK
132	291232	Trương Quang	Quân	110220167	22X1C	1	05 (A403)	ĐHBK
133	291233	Ngô Minh	Quang	105240389	24TDH3	1	05 (A403)	ĐHBK
134	291234	Đặng Ngọc Bảo	Quốc	101190115	19C1B	1	05 (A403)	ĐHBK
135	291235	Nguyễn Thế	Quốc	123200119	20PFIEV3	1	05 (A403)	ĐHBK
136	291236	Phan Nguyễn Bảo	Quốc	105200379	20TDHCLC1	1	05 (A403)	ĐHBK
137	291237	Trà Văn	Quốc	110220041	22X1A	1	05 (A403)	ĐHBK
138	291238	Trần Phước Anh	Quốc	110190067	19X1CLC2	1	05 (A403)	ĐHBK
139	291239	Hồ Ngọc	Quý	110240180	24X1C	1	05 (A403)	ĐHBK
140	291240	Nguyễn Văn	Quý	102160259	16TCLC3	1	05 (A403)	ĐHBK

TT	SBD	Họ	và tên	Số thẻ SV	Lớp	Ca	Phòng	SV Trường
141	291241	Phan Văn	Quyền	102200068	20TCLC_DT1	1	05 (A403)	ĐHBK
142	291242	Từ Nguyễn Ngọc	Quyền	109200140	20X3	1	05 (A403)	ĐHBK
143	291243	Ngô Thị Diễm	Quỳnh	107210009	21SH1	1	06 (B401)	ĐHBK
144	291244	Lê Mậu Thanh	Sang	109260341	26X3B	1	06 (B401)	ĐHBK
145	291245	Nguyễn Huỳnh Minh	Sáng	101220047	22C1A	1	06 (B401)	ĐHBK
146	291246	Hồ Văn	Sơn	121190081	19KTCLC2	1	06 (B401)	ĐHBK
147	291247	Trần Hữu Thanh	Sơn	123260138	26PFIEV1	1	06 (B401)	ĐHBK
148	291248	Lê Đăng	Tài	103200100	20C4CLC1	1	06 (B401)	ĐHBK
149	291249	Trần Thị Mỹ	Tâm	107230027	23SH1	1	06 (B401)	ĐHBK
150	291250	Hồ Ngọc	Tân	111210055	21THXD1	1	06 (B401)	ĐHBK
151	291251	Kiều Nhật	Tân	107210071	21H5	1	06 (B401)	ĐHBK
152	291252	Nguyễn Ngọc	Tân	110200117	20X1CLC1	1	06 (B401)	ĐHBK
153	291253	Nguyễn Tuấn	Tân	110220172	22X1C	1	06 (B401)	ĐHBK
154	291254	Lê Công	Tấn	103180113	18C4B	1	06 (B401)	ĐHBK
155	291255	Lê Trọng	Tấn	105240179	24D3	1	06 (B401)	ĐHBK
156	291256	Lê Đức	Thắng	103170154	17C4C	1	06 (B401)	ĐHBK
157	291257	Nguyễn Hữu	Thắng	107210210	21H5	1	06 (B401)	ĐHBK
158	291258	Đỗ Bá	Thanh	110220047	22X1A	1	06 (B401)	ĐHBK
159	291259	Trần Thị Phương	Thảo	111140045	14THXD	1	06 (B401)	ĐHBK
160	291260	Trần Thị Thanh	Thảo	118220190	22QLCN2	1	06 (B401)	ĐHBK
161	291261	Hồ Quang	Thịnh	103210180	21C4CLC2	1	06 (B401)	ĐHBK
162	291262	Đặng Trường	Thọ	110220177	22X1C	1	06 (B401)	ĐHBK
163	291263	Phạm Phú	Thông	101210367	21CDTCLC2	1	06 (B401)	ĐHBK
164	291264	Lê Hữu Bảo	Thuận	101210368	21CDTCLC2	1	06 (B401)	ĐHBK
165	291265	Lý Văn	Thuận	101210369	21CDTCLC2	1	06 (B401)	ĐHBK
166	291266	Ngô Thị Mỹ	Thuận	103250180	25HTCN	1	06 (B401)	ĐHBK
167	291267	Cao Thị	Thúy	118210140	21KXCLC	1	06 (B401)	ĐHBK
168	291268	Lê Anh	Tiến	105190365	19TDHCLC4	1	06 (B401)	ĐHBK
169	291269	Trần Lê Tân	Tiến	101220177	22C1C	1	06 (B401)	ĐHBK
170	291270	Võ Quang	Tiến	105190126	19DCLC3	1	06 (B401)	ĐHBK
171	291271	Nguyễn Công	Tính	110200049	20X1A	1	07 (B402)	ĐHBK
172	291272	Phan Thị Thu	Trang	109220124	22X3B	1	07 (B402)	ĐHBK
173	291273	Nguyễn Trọng	Trình	103210288	21KTOTO2	1	07 (B402)	ĐHBK
174	291274	Nguyễn Văn	Trực	106200214	20DTCLC4	1	07 (B402)	ĐHBK
175	291275	Võ Thanh	Trường	105190041	19DCLC1	1	07 (B402)	ĐHBK
176	291276	Lê Văn	Tú	101170334	17CDT3	1	07 (B402)	ĐHBK
177	291277	Phan Công	Tuân	104210072	21N	1	07 (B402)	ĐHBK
178	291278	Đinh Quốc	Tuấn	118210054	21KXCLC	1	07 (B402)	ĐHBK
179	291279	Lê Hữu	Tuấn	101210376	21CDTCLC2	1	07 (B402)	ĐHBK
180	291280	Lê Phạm Anh	Tuấn	101200207	20C1C	1	07 (B402)	ĐHBK
181	291281	Trần Anh	Tuấn	106260252	26KTMT1	1	07 (B402)	ĐHBK
182	291282	Trần Anh	Tuấn	105210119	21DCLC1	1	07 (B402)	ĐHBK
183	291283	Đoàn Công	Tùng	110210140	21X1B	1	07 (B402)	ĐHBK
184	291284	Đoàn Thanh	Tùng	106220039	22DT1	1	07 (B402)	ĐHBK
185	291285	Nguyễn Văn	Tùng	106240103	24DT2	1	07 (B402)	ĐHBK
186	291286	Trần Thị Thanh	Tùng	106190185	19DTCLC4	1	07 (B402)	ĐHBK
187	291287	Vũ Thanh	Tuyền	118220046	22KX1	1	07 (B402)	ĐHBK
188	291288	Võ Thị Thảo	Uyên	107200136	20H2CLC	1	07 (B402)	ĐHBK
189	291289	Nguyễn Đình	Văn	109210075	21X3	1	07 (B402)	ĐHBK

TT	SBD	Họ	và tên	Số thẻ SV	Lớp	Ca	Phòng	SV Trường
190	291290	Đỗ Quang	Vinh	101220061	22C1A	1	07 (B402)	ĐHBK
191	291291	Bùi Tá Thiên	Vũ	103210186	21C4CLC2	1	07 (B402)	ĐHBK
192	291292	Nguyễn Thanh	Vũ	109210167	21X3	1	07 (B402)	ĐHBK
193	291293	Trần Anh	Vũ	121220055	22KT1	1	07 (B402)	ĐHBK
194	291294	Đặng Công	Vương	109210059	21VLXD	1	07 (B402)	ĐHBK
195	291295	Nguyễn Lê Quốc	Vượng	101250098	25C1B	1	07 (B402)	ĐHBK
196	291296	Lê Hoàng	Vỹ	110220191	22X1C	1	07 (B402)	ĐHBK
197	291297	Đỗ Thị Kim	Xuân	118220148	22QLCN1	1	07 (B402)	ĐHBK
198	291298	Đỗ Hoàng	Ý	103200145	20C4CLC2	1	07 (B402)	ĐHBK
199	291299	Phạm Công	Bình	221121006207	48K06.2	1	08 (B403)	ĐHKT
200	291300	Nguyễn Thành	Đạt	221122015107	48K15.1	1	08 (B403)	ĐHKT
201	291301	Nguyễn Hồng	Diệu	221121104105	48K04	1	08 (B403)	ĐHKT
202	291302	Nguyễn Ngọc	Đức	221121132206	48K32.2	1	08 (B403)	ĐHKT
203	291303	Nguyễn Thủy	Dương	221120919110	48K19	1	08 (B403)	ĐHKT
204	291304	Nguyễn Thị Kim	Hân	231124022310	49K22.3	1	08 (B403)	ĐHKT
205	291305	Đặng Thị	Hậu	221121521213	48K21.2	1	08 (B403)	ĐHKT
206	291306	Nguyễn Thu	Hiền	221121407212	48K07.2	1	08 (B403)	ĐHKT
207	291307	Phạm Nguyễn Thu	Hiền	221121927107	48K27	1	08 (B403)	ĐHKT
208	291308	Bùi Thị	Hiếu	211122015217	47K15.2	1	08 (B403)	ĐHKT
209	291309	Trần Huy	Hoàng	221121424107	48K24	1	08 (B403)	ĐHKT
210	291310	Lê Phước Đức	Huy	221121209106	48K09	1	08 (B403)	ĐHKT
211	291311	Đỗ Thị Thanh	Huyền	231121018220	49K18.2	1	08 (B403)	ĐHKT
212	291312	Phạm Thị	Liên	221121209108	48K09	1	08 (B403)	ĐHKT
213	291313	Lê Thị	Linh	231121325518	49K25.5	1	08 (B403)	ĐHKT
214	291314	Nguyễn Diệu	Linh	231121018227	49K18.2	1	08 (B403)	ĐHKT
215	291315	Nguyễn Diệu	Linh	221121302236	49K18.2	1	08 (B403)	ĐHKT
216	291316	Võ Thị Thuỳ	Linh	231121505119	49K05	1	08 (B403)	ĐHKT
217	291317	Nguyễn Thế	Lực	221121120125	48K20	1	08 (B403)	ĐHKT
218	291318	Trần Thị Phương	Ly	211121006328	47K06.3	1	08 (B403)	ĐHKT
219	291319	Đặng Lê	Na	221120919133	48K19	1	08 (B403)	ĐHKT
220	291320	Nguyễn Thị Thanh	Ngân	211121927125	47K27	1	08 (B403)	ĐHKT
221	291321	Đậu Trần Yến	Nhi	231121006528	49K06.5	1	08 (B403)	ĐHKT
222	291322	Trần Thị Quỳnh	Như	221121006336	48K06.3	1	08 (B403)	ĐHKT
223	291323	Trương Thị Quỳnh	Như	221121927116	48K27	1	08 (B403)	ĐHKT
224	291324	Hoàng Nam	Phương	231121006532	49K06.5	1	08 (B403)	ĐHKT
225	291325	Hoàng Thị Hoài	Phương	231121018242	49K18.2	1	08 (B403)	ĐHKT
226	291326	Nguyễn Đỗ Thanh	Tâm	221121325444	48K25.4	1	08 (B403)	ĐHKT
227	291327	Nguyễn Ngọc	Thông	221121120148	48K20	1	09 (C402)	ĐHKT
228	291328	Bùi Ngọc	Thu	231120919155	49K19	1	09 (C402)	ĐHKT
229	291329	Lê Thị Huyền	Trang	221121407332	48K07.3	1	09 (C402)	ĐHKT
230	291330	Hoàng Thị Hiền	Trinh	231121514149	49K32.2	1	09 (C402)	ĐHKT
231	291331	Lữ Khánh	Trình	221121302236	48K02.2	1	09 (C402)	ĐHKT
232	291332	Lữ Khánh	Trình	231121018360	48K02.2	1	09 (C402)	ĐHKT
233	291333	Phan Công	Tú	221121018447	48K18.4	1	09 (C402)	ĐHKT
234	291334	Lê Thị Thanh	Vân	231121927126	49K27	1	09 (C402)	ĐHKT
235	291335	Trần Thị Yến	Vy	231121302161	49K02	1	09 (C402)	ĐHKT
236	291336	Châu Phạm Như	Ý	231121018360	49K18.3	1	09 (C402)	ĐHKT
237	291337	Nguyễn Thị	An	3140723001	23SKT1	1	09 (C402)	ĐHSP
238	291338	Nguyễn Thị Hoài	An	3220123002	23STH6	1	09 (C402)	ĐHSP
239	291339	Huỳnh Thị Thanh	An	3140323001	23CHD	1	09 (C402)	ĐHSP

TT	SBD	Họ	và tên	Số thẻ SV	Lớp	Ca	Phòng	SV Trường
240	291340	Lê Thị Quỳnh	An	3180523001	23CLS	1	09 (C402)	ĐHSP
241	291341	Lê Thị Ngọc	Anh	3220125016	25STH2	1	09 (C402)	ĐHSP
242	291342	Hoàng Thị Trâm	Anh	3160124003	24SGC	1	09 (C402)	ĐHSP
243	291343	Nguyễn Thị Kim	Anh	3180523003	23CLS	1	09 (C402)	ĐHSP
244	291344	Nguyễn Thị Lan	Anh	3180723005	23SLD1	1	09 (C402)	ĐHSP
245	291345	Nguyễn Thị Ngọc	Anh	3230124007	24SMN3	1	09 (C402)	ĐHSP
246	291346	Nguyễn Hoàng	Anh	3220123010	23STH3	1	09 (C402)	ĐHSP
247	291347	Nguyễn Thảo Minh	Anh	3230124009	24SMN1	1	09 (C402)	ĐHSP
248	291348	Nguyễn Thị Quỳnh	Anh	3230125010	25SMN2	1	09 (C402)	ĐHSP
249	291349	Trần Nguyễn Quỳnh	Anh	3170124006	24SNV2	1	09 (C402)	ĐHSP
250	291350	Nguyễn Hoàng	Anh	3220224004	24STC2	1	09 (C402)	ĐHSP
251	291351	Lê Cẩm	Anh	3230124002	24SMN2	1	09 (C402)	ĐHSP
252	291352	Hoàng Thị Vân	Anh	3220223001	23STC	1	09 (C402)	ĐHSP
253	291353	Võ Nguyễn Thị Minh	Anh	3180523004	23CLS	1	09 (C402)	ĐHSP
254	291354	Nguyễn Thị Phương	Anh	3220123015	23STH4	1	09 (C402)	ĐHSP
255	291355	Trần Thị Lan	Anh	3230123006	23SMN2	1	10 (C401)	ĐHSP
256	291356	Trần Thị Lan	Anh	3140324004	24CHD	1	10 (C401)	ĐHSP
257	291357	Phan Văn Trọng	Anh	3190423005	23CDDL	1	10 (C401)	ĐHSP
258	291358	Trần Thị Quỳnh	Anh	3230123011	23SMN4	1	10 (C401)	ĐHSP
259	291359	Trần Thị Diệu	Anh	3230123004	23SMN4	1	10 (C401)	ĐHSP
260	291360	Phạm Thị Ngọc	Ánh	3230123008	23SMN2	1	10 (C401)	ĐHSP
261	291361	Bùi Hồng	Ánh	3220122017	22STH2	1	10 (C401)	ĐHSP
262	291362	Nguyễn Ngọc	Ánh	3220123026	23STH7	1	10 (C401)	ĐHSP
263	291363	Đỗ Văn	Ánh	3120222005	22CNTT2	1	10 (C401)	ĐHSP
264	291364	Lê Thị Thu	Ba	3230123012	23SMN4	1	10 (C401)	ĐHSP
265	291365	Nguyễn Nhật Băng	Băng	3120123003	23SPT	1	10 (C401)	ĐHSP
266	291366	Trần Đình	Bảo	3180523007	23CLS	1	10 (C401)	ĐHSP
267	291367	Nguyễn Quốc	Bảo	3190123005	23SDL	1	10 (C401)	ĐHSP
268	291368	Đinh Văn	Bi	3160523002	23SCD	1	10 (C401)	ĐHSP
269	291369	Nguyễn Thị Ngọc	Bích	3230123014	23SMN2	1	10 (C401)	ĐHSP
270	291370	Đinh Thị	Bình	3230123015	23SMN3	1	10 (C401)	ĐHSP
271	291371	Ngô Thị Thanh	Bình	3180620001	20CVNHC	1	10 (C401)	ĐHSP
272	291372	Lê Thanh	Bình	3240623005	23SGT	1	10 (C401)	ĐHSP
273	291373	Lê Ngọc	Châu	3160123005	23SGC	1	10 (C401)	ĐHSP
274	291374	Cao Thị Loan	Châu	3220123040	23STH1	1	10 (C401)	ĐHSP
275	291375	Nguyễn Bảo	Châu	3180223010	23CVNH2	1	10 (C401)	ĐHSP
276	291376	A Lăng Thùy	Châu	3110125111	25ST1	1	10 (C401)	ĐHSP
277	291377	Phan Bảo	Châu	3230123018	23SMN2	1	10 (C401)	ĐHSP
278	291378	Bạch Trần Kim	Chi	3220122027	22STH5	1	10 (C401)	ĐHSP
279	291379	Bùi Hữu	Chiến	3170423012	23CBC2	1	10 (C401)	ĐHSP
280	291380	Nguyễn Tấn	Chiến	3190423006	23CDDL	1	10 (C401)	ĐHSP
281	291381	Nguyễn Thị Hồng	Chiến	3220124036	24STH1	1	10 (C401)	ĐHSP
282	291382	Nguyễn Thị Hà	Chung	3230124023	24SMN3	1	10 (C401)	ĐHSP
283	291383	Hồ Kim	Cương	3180525005	25CLS	1	10 (C401)	ĐHSP
284	291384	Coor Thị Kim	Cơly	3220223006	23STC	1	10 (C401)	ĐHSP
285	291385	La Tú	Dân	3220223007	23STC	1	10 (C401)	ĐHSP
286	291386	Nguyễn Trần Ái	Dân	3160523003	23SCD	1	10 (C401)	ĐHSP
287	291387	Bùi Đình	Đạt	3120123004	23SPT	1	10 (C401)	ĐHSP
288	291388	Trần Tiến	Đạt	3160523048	23SCD	1	10 (C401)	ĐHSP
289	291389	Đinh Thị Mỹ	Diệp	3220123054	23STH5	1	10 (C401)	ĐHSP

TT	SBD	Họ	và tên	Số thẻ SV	Lớp	Ca	Phòng	SV Trường
290	291390	Phạm Thị Xuân	Diệp	3150123004	23SS	1	10 (C401)	ĐHSP
291	291391	Ngô Trần Ngân	Diệu	3180223016	23CVNH1	1	10 (C401)	ĐHSP
292	291392	Phạm Thị Mỹ	Diệu	3150124003	24SS	1	10 (C401)	ĐHSP
293	291393	Lê Thị	Diệu	3180723015	23SLD2	1	10 (C401)	ĐHSP
294	291394	Chang Đình	Đình	3170223005	23CVH	1	10 (C401)	ĐHSP
295	291395	Bùi Thiên	Định	3130122009	22SVL	1	10 (C401)	ĐHSP
296	291396	Trần Minh	Đức	3130124005	24SVL	1	10 (C401)	ĐHSP
297	291397	Trần Hữu	Đức	3150423005	23CNSH	1	10 (C401)	ĐHSP
298	291398	Đặng Ngọc	Dũng	3130324006	24CVK	1	10 (C401)	ĐHSP
299	291399	Dương Anh	Dũng	3180223020	23CVNH2	1	10 (C401)	ĐHSP
300	291400	Nông Ngọc Thùy	Dương	3130324007	24CVK	1	11 (C404)	ĐHSP
301	291401	Võ Thùy	Dương	3170223007	23CVH	1	11 (C404)	ĐHSP
302	291402	Trương Phi	Dương	3180523013	23CLS	1	11 (C404)	ĐHSP
303	291403	Trịnh Ánh	Dương	3220125054	25STH1	1	11 (C404)	ĐHSP
304	291404	Nguyễn Thùy	Dương	3220123070	23STH2	1	11 (C404)	ĐHSP
305	291405	Đoàn Văn	Dưỡng	3240423009	23SAN	1	11 (C404)	ĐHSP
306	291406	Võ Minh	Duy	3130324009	24CVK	1	11 (C404)	ĐHSP
307	291407	Trần Khánh	Duy	3180224014	24CVNH2	1	11 (C404)	ĐHSP
308	291408	Huỳnh Phước	Duy	3140123002	23SHH	1	11 (C404)	ĐHSP
309	291409	Lê Thị Mỹ	Duyên	3230123028	23SMN1	1	11 (C404)	ĐHSP
310	291410	Nguyễn Thị Kim	Duyên	3170724013	24CQCC	1	11 (C404)	ĐHSP
311	291411	Nguyễn Thảo	Duyên	3220224012	24STC2	1	11 (C404)	ĐHSP
312	291412	Nguyễn Thị Mỹ	Duyên	3220123074	23STH7	1	11 (C404)	ĐHSP
313	291413	Lê Thị Mỹ	Duyên	3230124029	24SMN4	1	11 (C404)	ĐHSP
314	291414	Y	Duyên	3230124031	24SMN2	1	11 (C404)	ĐHSP
315	291415	Nguyễn Thị Mỹ	Duyên	3160524011	24SCD	1	11 (C404)	ĐHSP
316	291416	Trịnh	Gia	3240623016	23SGT	1	11 (C404)	ĐHSP
317	291417	Cầm Thị	Giang	3220123441	23STH2	1	11 (C404)	ĐHSP
318	291418	Nguyễn Thị Kiều	Giang	3120222028	22CNTT2	1	11 (C404)	ĐHSP
319	291419	Nguyễn Trà	Giang	3240623017	23SGT	1	11 (C404)	ĐHSP
320	291420	Nguyễn Lê	Giang	3180223022	23CVNH2	1	11 (C404)	ĐHSP
321	291421	Nguyễn Thị Trà	Giang	3170124017	24SNV2	1	11 (C404)	ĐHSP
322	291422	Trịnh Hương	Giang	3220123084	23STH2	1	11 (C404)	ĐHSP
323	291423	Thái Thị Mai	Giang	3220123082	23STH4	1	11 (C404)	ĐHSP
324	291424	Phan Nguyễn Hoài	Giang	3180223023	23CVNH1	1	11 (C404)	ĐHSP
325	291425	Lê Nguyễn Cẩm	Giang	3220125057	25STH1	1	11 (C404)	ĐHSP
326	291426	Nguyễn Thị Cẩm	Giang	3220123079	23STH2	1	11 (C404)	ĐHSP
327	291427	Tạ Quỳnh	Giao	3170125028	25SNV1	1	11 (C404)	ĐHSP
328	291428	Bùi Thị Ngọc	Hà	3220123085	23STH7	1	11 (C404)	ĐHSP
329	291429	Nguyễn Thị Thu	Hà	3230123034	23SMN2	1	11 (C404)	ĐHSP
330	291430	Ngô Nhật	Hà	3220123088	23STH1	1	11 (C404)	ĐHSP
331	291431	Trần Thị Thanh	Hà	3200223024	23CTL2	1	11 (C404)	ĐHSP
332	291432	Lê Thị Phương	Hà	3180223025	23CVNH1	1	11 (C404)	ĐHSP
333	291433	Nguyễn Thị Phương	Hà	3150123008	23SS	1	11 (C404)	ĐHSP
334	291434	Lê Như	Hạ	3240423012	23SAN	1	11 (C404)	ĐHSP
335	291435	Đặng Phú	Hải	3180523018	23CLS	1	11 (C404)	ĐHSP
336	291436	Bùi Quang	Hải	3130323004	23CVK	1	11 (C404)	ĐHSP
337	291437	Phạm Hồng	Hải	3120223048	23CNTT3	1	11 (C404)	ĐHSP
338	291438	Huỳnh Ngọc Gia	Hân	3200223027	23CTL1	1	11 (C404)	ĐHSP
339	291439	Nguyễn Ngọc Bảo	Hân	3230123036	23SMN4	1	11 (C404)	ĐHSP

TT	SBD	Họ	và tên	Số thẻ SV	Lớp	Ca	Phòng	SV Trường
340	291440	Nguyễn Hồng	Hân	3180725027	25SLD2	1	11 (C404)	ĐHSP
341	291441	Hồ Phương Gia	Hân	3110125027	25ST1	1	11 (C404)	ĐHSP
342	291442	Đinh Du	Hân	3220123096	23STH2	1	11 (C404)	ĐHSP
343	291443	Cao Nguyễn Thu	Hằng	3140723017	23SKT1	1	11 (C404)	ĐHSP
344	291444	Nguyễn Thúy	Hằng	3220123101	23STH5	1	11 (C404)	ĐHSP
345	291445	Hoàng Thị Thu	Hằng	3230123037	23SMN2	2	12 (A202)	ĐHSP
346	291446	Nguyễn Thị Ngọc	Hằng	3180223030	23CVNH2	2	12 (A202)	ĐHSP
347	291447	Phạm Thị Thanh	Hằng	3110123028	23ST2	2	12 (A202)	ĐHSP
348	291448	Nguyễn Trương Mỹ	Hằng	3130122015	22SS	2	12 (A202)	ĐHSP
349	291449	Nguyễn Thị Mỹ	Hạnh	3220123104	23STH4	2	12 (A202)	ĐHSP
350	291450	Trần Thị Mỹ	Hạnh	3240423014	23SAN	2	12 (A202)	ĐHSP
351	291451	Lê Quang	Hạnh	3120222031	22CNTT1	2	12 (A202)	ĐHSP
352	291452	Nguyễn Thị Minh	Hạnh	3230123044	23SMN4	2	12 (A202)	ĐHSP
353	291453	Nguyễn Thị Hồng	Hạnh	3170123028	23SNV1	2	12 (A202)	ĐHSP
354	291454	Moong Thị	Hạnh	3220124338	24STH3	2	12 (A202)	ĐHSP
355	291455	Nguyễn Minh Anh	Hào	3110122019	22ST2	2	12 (A202)	ĐHSP
356	291456	Nguyễn Thị Thu	Hậu	3180723022	23SLD1	2	12 (A202)	ĐHSP
357	291457	Trần Thị Kim	Hậu	3230123046	23SMN4	2	12 (A202)	ĐHSP
358	291458	Lê Thị Thu	Hiền	3170725020	25CQCC	2	12 (A202)	ĐHSP
359	291459	Phan Thị	Hiền	3220123110	23STH7	2	12 (A202)	ĐHSP
360	291460	Bùi Thị	Hiền	3170123029	23SNV1	2	12 (A202)	ĐHSP
361	291461	Nguyễn Thị Thúy	Hiền	3230123048	23SMN4	2	12 (A202)	ĐHSP
362	291462	Nguyễn Ngô Thu	Hiền	3240423015	23SAN	2	12 (A202)	ĐHSP
363	291463	Phạm Thị Thanh	Hiền	3180721058	21SLD	2	12 (A202)	ĐHSP
364	291464	Ngô Minh	Hiệp	3120420016	20CNTTC	2	12 (A202)	ĐHSP
365	291465	Đoàn Minh	Hiếu	3240623019	23SGT	2	12 (A202)	ĐHSP
366	291466	Nguyễn Dương Xuân	Hiếu	3190423023	23CDDL	2	12 (A202)	ĐHSP
367	291467	Đào Xuân	Hiếu	3190423022	23CDDL	2	12 (A202)	ĐHSP
368	291468	Nguyễn Thị Thanh	Hiệu	3230123050	23SMN2	2	12 (A202)	ĐHSP
369	291469	Nguyễn Thị Quỳnh	Hoa	3180523020	23CLS	2	12 (A202)	ĐHSP
370	291470	Dương Thị	Hoa	3240623021	23SGT	2	12 (A202)	ĐHSP
371	291471	Hoàng Thị	Hoa	3240623022	23SGT	2	12 (A202)	ĐHSP
372	291472	Nguyễn Thị Minh Ngọc	Hòa	3190423024	23CDDL	2	12 (A202)	ĐHSP
373	291473	Trần Thị	Hòa	3220123118	23STH4	2	12 (A202)	ĐHSP
374	291474	Nguyễn Thái	Hòa	3170223015	23CVH	2	13 (A203)	ĐHSP
375	291475	Ngô Thị Diệu	Hoài	3230123052	23SMN4	2	13 (A203)	ĐHSP
376	291476	Trần Thị	Hoài	3110123035	23ST2	2	13 (A203)	ĐHSP
377	291477	Phan Thị	Hoàng	3180223037	23CVNH1	2	13 (A203)	ĐHSP
378	291478	Đinh Văn Việt	Hoàng	3190423025	23CDDL	2	13 (A203)	ĐHSP
379	291479	Nguyễn Văn	Hoàng	3150423008	23CNSH	2	13 (A203)	ĐHSP
380	291480	Hoàng Thu	Hồng	3230123053	23SMN1	2	13 (A203)	ĐHSP
381	291481	Trần Thị Bích	Hồng	3150123010	23SS	2	13 (A203)	ĐHSP
382	291482	Đỗ Thị	Hồng	3140123005	23SHH	2	13 (A203)	ĐHSP
383	291483	Huỳnh Thị Mỹ	Hồng	3120223069	23CNTT3	2	13 (A203)	ĐHSP
384	291484	Đinh Đình	Hợp	3180723028	23SLD1	2	13 (A203)	ĐHSP
385	291485	Dương Thị Hồng	Hợp	3230123055	23SMN3	2	13 (A203)	ĐHSP

TT	SBD	Họ	và tên	Số thẻ SV	Lớp	Ca	Phòng	SV Trường
386	291486	Phan Đình Công	Huấn	3110123037	23ST2	2	13 (A203)	ĐHSP
387	291487	Y	Huế	3220123445	23STH2	2	13 (A203)	ĐHSP
388	291488	Phạm Hồ Hồng	Huế	3230123056	23SMN4	2	13 (A203)	ĐHSP
389	291489	Nguyễn Thị Kim	Huệ	3220123129	23STH1	2	13 (A203)	ĐHSP
390	291490	Nguyễn Thị	Huệ	3180223040	23CVNH2	2	13 (A203)	ĐHSP
391	291491	Trần Thị	Huệ	3180725035	25SLD2	2	13 (A203)	ĐHSP
392	291492	Nguyễn Thị	Huệ	3180723029	23SLD1	2	13 (A203)	ĐHSP
393	291493	Nguyễn Văn	Hưng	3180723030	23SLD1	2	13 (A203)	ĐHSP
394	291494	Trần Thái	Hưng	3120223075	23CNTT3	2	13 (A203)	ĐHSP
395	291495	Trần Văn	Hưng	3160123013	23SGC	2	13 (A203)	ĐHSP
396	291496	Nguyễn Thị Xuân	Hương	3140723024	23SKT2	2	13 (A203)	ĐHSP
397	291497	Nguyễn Thị Mai	Hương	3230123058	23SMN2	2	13 (A203)	ĐHSP
398	291498	Trần Thị Thu	Hương	3230123060	23SMN4	2	13 (A203)	ĐHSP
399	291499	Phan Minh Thanh	Hường	3170323015	23CVHH	2	13 (A203)	ĐHSP
400	291500	Trần Thị	Hường	3230124062	24SMN2	2	13 (A203)	ĐHSP
401	291501	Võ Ngọc	Huy	3240623027	23SGT	2	13 (A203)	ĐHSP
402	291502	Lê Vũ Quang	Huy	3120223079	23CNTT1	2	13 (A203)	ĐHSP
403	291503	Lê Thị	Huyên	3230123063	23SMN2	2	14 (A401)	ĐHSP
404	291504	Trần Thanh	Huyền	3230123066	23SMN1	2	14 (A401)	ĐHSP
405	291505	Lê Võ Khánh	Huyền	3150423012	23CNSH	2	14 (A401)	ĐHSP
406	291506	Nguyễn Thị Thanh	Huyền	3180724030	24SLD1	2	14 (A401)	ĐHSP
407	291507	Phạm Thị Thanh	Huyền	3230124066	24SMN2	2	14 (A401)	ĐHSP
408	291508	Nguyễn Thị	Huyền	3220123150	23STH1	2	14 (A401)	ĐHSP
409	291509	Trần Vũ Khánh	Huyền	3220224031	24STC1	2	14 (A401)	ĐHSP
410	291510	Nguyễn Thị	Huyền	3220123151	23STH7	2	14 (A401)	ĐHSP
411	291511	Phạm Thanh	Huyền	3140723030	23SKT1	2	14 (A401)	ĐHSP
412	291512	Nguyễn Thanh	Huyền	3190423028	23CDDL	2	14 (A401)	ĐHSP
413	291513	Trần Nguyễn Khánh	Huyền	3150423013	23CNSH	2	14 (A401)	ĐHSP
414	291514	Phạm Thị Khánh	Huyền	3220125368	25STH1	2	14 (A401)	ĐHSP
415	291515	Siu H'	Huyền	3170223022	23CVH	2	14 (A401)	ĐHSP
416	291516	Võ Thanh	Khang	3120224072	24CNTT2	2	14 (A401)	ĐHSP
417	291517	Nguyễn Lê	Khanh	3170223026	23CVH	2	14 (A401)	ĐHSP
418	291518	Hồ Tuấn	Khanh	3180223045	23CVNH2	2	14 (A401)	ĐHSP
419	291519	Nguyễn Bảo	Khánh	3220123159	23STH6	2	14 (A401)	ĐHSP
420	291520	Nguyễn Thuận Văn	Khoa	3180722031	22SLD2	2	14 (A401)	ĐHSP
421	291521	Nguyễn Hàng Thục	Khuê	3140323013	23CHD	2	14 (A401)	ĐHSP
422	291522	Trương Lê Tuấn	Kiệt	3240623031	23SGT	2	14 (A401)	ĐHSP
423	291523	Nguyễn Tuấn	Kiệt	3120223099	23CNTT2	2	14 (A401)	ĐHSP
424	291524	Huỳnh Thị Diễm	Kiều	3180224035	24CVNH2	2	14 (A401)	ĐHSP
425	291525	Lô Thị Vi	La	3170123047	23SNV1	2	14 (A401)	ĐHSP
426	291526	Ngô Thị Thanh	Lam	3190123025	23SDL	2	14 (A401)	ĐHSP
427	291527	Cao Thị Thanh	Lam	3220124108	24STH7	2	14 (A401)	ĐHSP
428	291528	Lê Thanh	Lâm	3180223050	23CVNH2	2	14 (A401)	ĐHSP
429	291529	Phan Thị Thanh	Lan	3220123165	23STH4	2	14 (A401)	ĐHSP
430	291530	Cao Thị Kim	Liên	3110125044	25ST1	2	14 (A401)	ĐHSP
431	291531	Hoàng Mai Hà	Linh	3220123173	23STH4	2	15 (A402)	ĐHSP
432	291532	Nguyễn Thị Thùy	Linh	3150123017	23SS	2	15 (A402)	ĐHSP

TT	SBD	Họ	và tên	Số thẻ SV	Lớp	Ca	Phòng	SV Trường
433	291533	Nguyễn Hoàng Khánh	Linh	3220123178	23STH2	2	15 (A402)	ĐHSP
434	291534	Nguyễn Khánh	Linh	3220124125	24STH1	2	15 (A402)	ĐHSP
435	291535	Nguyễn Thị Kiều	Linh	3150123016	23SS	2	15 (A402)	ĐHSP
436	291536	Lê Thị Thùy	Linh	3220123174	23STH1	2	15 (A402)	ĐHSP
437	291537	Bùi Thị	Linh	3160523010	23SCD	2	15 (A402)	ĐHSP
438	291538	Lương Thị Thùy	Linh	3220123177	23STH4	2	15 (A402)	ĐHSP
439	291539	Trần Khánh	Linh	3140723040	23SKT1	2	15 (A402)	ĐHSP
440	291540	Lê Phước Ngọc	Linh	3130324018	24CVK	2	15 (A402)	ĐHSP
441	291541	Vũ Khánh	Linh	3110123051	23ST1	2	15 (A402)	ĐHSP
442	291542	Phạm Thị Khánh	Linh	3170124037	24SNV2	2	15 (A402)	ĐHSP
443	291543	Phạm Thị Thùy	Linh	3110123050	23ST2	2	15 (A402)	ĐHSP
444	291544	Phạm Thị Khánh	Linh	3160523014	23SCD	2	15 (A402)	ĐHSP
445	291545	Nguyễn Phương	Linh	3200224044	24CTL2	2	15 (A402)	ĐHSP
446	291546	Đỗ Ngọc	Linh	3220124118	24STH2	2	15 (A402)	ĐHSP
447	291547	Hồ Hoài	Linh	3160524024	24SCD	2	15 (A402)	ĐHSP
448	291548	Trần Lê Khánh	Linh	3180225034	25CVNH2	2	15 (A402)	ĐHSP
449	291549	Đào Nguyễn Hiền	Linh	3160523011	23SCD	2	15 (A402)	ĐHSP
450	291550	Lê Thị Kiều	Loan	3230123083	23SMN3	2	15 (A402)	ĐHSP
451	291551	Phan Việt	Long	3120221058	21CNTT4	2	15 (A402)	ĐHSP
452	291552	Dương Lê Bảo	Long	3180523031	23CLS	2	15 (A402)	ĐHSP
453	291553	Hoàng Thị	Lương	3220123194	23STH4	2	15 (A402)	ĐHSP
454	291554	Phạm Hồng	Lương	3160523016	23SCD	2	15 (A402)	ĐHSP
455	291555	Tăng Tấn	Lượng	3180622007	22CVNH1	2	15 (A402)	ĐHSP
456	291556	Nguyễn Thị Hồng	Lựu	3140323016	23CHD	2	15 (A402)	ĐHSP
457	291557	Nguyễn Thị Ly	Ly	3180723047	23SLD1	2	15 (A402)	ĐHSP
458	291558	Phạm Khánh	Ly	3220123200	23STH3	2	15 (A402)	ĐHSP
459	291559	Nguyễn Thị Thảo	Ly	3230123089	23SMN1	2	16 (A403)	ĐHSP
460	291560	Alăng Thị	Ly	3220123197	23STH7	2	16 (A403)	ĐHSP
461	291561	Nguyễn Thị Vân	Ly	3180223061	23CVNH2	2	16 (A403)	ĐHSP
462	291562	Lê Thị Khánh	Ly	3230124084	24SMN3	2	16 (A403)	ĐHSP
463	291563	Hồ Thị Cẩm	Ly	3230124083	24SMN2	2	16 (A403)	ĐHSP
464	291564	Alăng Thị	Lý	3230124087	24SMN2	2	16 (A403)	ĐHSP
465	291565	Nguyễn Hải	Lý	3230124088	24SMN3	2	16 (A403)	ĐHSP
466	291566	Kpă Tô	Ma	3160523017	23SCD	2	16 (A403)	ĐHSP
467	291567	Dương Phước Xuân	Mai	3180223062	23CVNH1	2	16 (A403)	ĐHSP
468	291568	Đào Thị Sao	Mai	3220123207	23STH5	2	16 (A403)	ĐHSP
469	291569	Bùi Hoàng Thảo	Mai	3200223054	23CTL2	2	16 (A403)	ĐHSP
470	291570	Trần Thị Ngọc	Mai	3230124090	24SMN1	2	16 (A403)	ĐHSP
471	291571	Hồ Thị Thanh	Mai	3170121128	21SNV3	2	16 (A403)	ĐHSP
472	291572	Trần Thị	Mai	3150422041	22CNSH	2	16 (A403)	ĐHSP
473	291573	Cao Văn	Minh	3180523034	23CLS	2	16 (A403)	ĐHSP
474	291574	Bnước Thị	Míu	3220123213	23STH5	2	16 (A403)	ĐHSP
475	291575	Vi Thị	Mơ	3220123214	23STH4	2	16 (A403)	ĐHSP
476	291576	Trần Phương Thảo	My	3220123218	23STH4	2	16 (A403)	ĐHSP
477	291577	Nguyễn Hà	My	3160523019	23SCD	2	16 (A403)	ĐHSP
478	291578	Nguyễn Thị Trà	My	3240423034	23SAN	2	16 (A403)	ĐHSP
479	291579	Cầm Thị Trà	My	3220124342	24STH4	2	16 (A403)	ĐHSP

TT	SBD	Họ	và tên	Số thẻ SV	Lớp	Ca	Phòng	SV Trường
480	291580	Trần Hà	My	3170423059	23CBC1	2	16 (A403)	ĐHSP
481	291581	Hồ Thị Hạ	My	3230123098	23SMN2	2	16 (A403)	ĐHSP
482	291582	Huỳnh Tấn	Mỹ	3240623038	23SGT	2	16 (A403)	ĐHSP
483	291583	Nguyễn Thị Ny	Na	3230123103	23SMN4	2	16 (A403)	ĐHSP
484	291584	Ngô Thị Cẩm	Na	3220123223	23STH5	2	16 (A403)	ĐHSP
485	291585	Hoàng Lê	Na	3220223033	23STC	2	16 (A403)	ĐHSP
486	291586	A Lăng	Năm	3220123226	23STH5	2	16 (A403)	ĐHSP
487	291587	Nguyễn Ngọc Thiên	Nga	3180725125	25SLD2	2	17 (B401)	ĐHSP
488	291588	Lê Thị Nguyệt	Nga	3220123228	23STH3	2	17 (B401)	ĐHSP
489	291589	Dương Bảo	Ngân	3180223069	23CVNH1	2	17 (B401)	ĐHSP
490	291590	Bùi Thúy	Ngân	3170223034	23CVH	2	17 (B401)	ĐHSP
491	291591	Nguyễn Bích	Ngân	3120224097	24CNTT2	2	17 (B401)	ĐHSP
492	291592	Trần Thị Kim	Ngân	3180523038	23CLS	2	17 (B401)	ĐHSP
493	291593	Lê Nguyễn Phương	Ngân	3170424058	24CBC2	2	17 (B401)	ĐHSP
494	291594	Lê Thị Thu	Ngân	3200223065	23CTL2	2	17 (B401)	ĐHSP
495	291595	Hồ Thị Băng	Ngân	3230123106	23SMN2	2	17 (B401)	ĐHSP
496	291596	Lê Thị	Ngân	3160523021	23SCD	2	17 (B401)	ĐHSP
497	291597	Huỳnh Phước	Nghĩa	3180523039	23CLS	2	17 (B401)	ĐHSP
498	291598	Nguyễn Hồ Thanh	Ngọc	3110125059	25ST1	2	17 (B401)	ĐHSP
499	291599	Nguyễn Thị Thảo	Ngọc	3200223068	23CTL1	2	17 (B401)	ĐHSP
500	291600	Phan Hồng	Ngọc	3150124013	24SS	2	17 (B401)	ĐHSP
501	291601	Lê Nguyễn Khánh	Ngọc	3150124012	24SS	2	17 (B401)	ĐHSP
502	291602	Cao Thị Bích	Ngọc	3180224054	24CVNH2	2	17 (B401)	ĐHSP
503	291603	Nguyễn Bảo	Ngọc	3150123022	23SS	2	17 (B401)	ĐHSP
504	291604	Phan Thị Bảo	Ngọc	3170123073	23SNV1	2	17 (B401)	ĐHSP
505	291605	Lê Trương Bạch	Ngọc	3160124010	24SGC	2	17 (B401)	ĐHSP
506	291606	Ngô Nguyên	Ngọc	3120224100	24CNTT2	2	17 (B401)	ĐHSP
507	291607	Đặng Nguyễn Thanh	Nguyên	3220124179	24STH3	2	17 (B401)	ĐHSP
508	291608	Nguyễn Hồ Thảo	Nguyên	3240423040	23SAN	2	17 (B401)	ĐHSP
509	291609	Nguyễn Trần Thảo	Nguyên	3190423043	23CDDL	2	17 (B401)	ĐHSP
510	291610	Nguyễn Thị Phương	Nguyên	3220123245	23STH4	2	17 (B401)	ĐHSP
511	291611	Phan Quỳnh Hạnh	Nguyên	3170123076	23SNV2	2	17 (B401)	ĐHSP
512	291612	Nguyễn Thị	Nguyên	3190123034	23SDL	2	17 (B401)	ĐHSP
513	291613	Đinh Thị Minh	Nguyệt	3230123113	23SMN1	2	17 (B401)	ĐHSP
514	291614	Trần Thị Ánh	Nguyệt	3190123035	23SDL	2	17 (B401)	ĐHSP
515	291615	Lê Thị Thanh	Nhài	3230124113	24SMN4	2	18 (B402)	ĐHSP
516	291616	Phan Huỳnh Ánh	Nhi	3170223041	23CVH	2	18 (B402)	ĐHSP
517	291617	Đinh Nguyễn Hoài	Nhi	3230123116	23SMN4	2	18 (B402)	ĐHSP
518	291618	Trần Thị Tường	Nhi	3170424070	24CBC1	2	18 (B402)	ĐHSP
519	291619	Hứa Thị Tuyết	Nhi	3170322034	22CVHH	2	18 (B402)	ĐHSP
520	291620	Trịnh Thị Thảo	Nhi	3170423081	23CBC1	2	18 (B402)	ĐHSP
521	291621	Đỗ Thị Yến	Nhi	3170123079	23SNV1	2	18 (B402)	ĐHSP
522	291622	Trương Thị Yến	Nhi	3170223042	23CVH	2	18 (B402)	ĐHSP
523	291623	Trương Thái Yến	Nhi	3180522030	22CLS	2	18 (B402)	ĐHSP
524	291624	Nguyễn Nữ Tú	Nhi	3170123080	23SNV2	2	18 (B402)	ĐHSP
525	291625	Nguyễn Thị Hoài	Nhi	3220123260	23STH4	2	18 (B402)	ĐHSP
526	291626	Đoàn Thị Yến	Nhi	3170423071	23CBC1	2	18 (B402)	ĐHSP

TT	SBD	Họ	và tên	Số thẻ SV	Lớp	Ca	Phòng	SV Trường
527	291627	Hoàng Bình	Nhi	3120223140	23CNTT3	2	18 (B402)	ĐHSP
528	291628	Lê Yến	Nhi	3220123255	23STH4	2	18 (B402)	ĐHSP
529	291629	Nguyễn Giang	Nhi	3200223078	23CTL1	2	18 (B402)	ĐHSP
530	291630	Trương Minh Thảo	Nhi	3170425060	25CBC1	2	18 (B402)	ĐHSP
531	291631	Nguyễn Thị Vân	Nhi	3180721089	21SLD	2	18 (B402)	ĐHSP
532	291632	Nguyễn Thục	Nhi	3180223074	23CVNH1	2	18 (B402)	ĐHSP
533	291633	Phạm Huỳnh Phương	Như	3180223075	23CVNH2	2	18 (B402)	ĐHSP
534	291634	Nguyễn Quỳnh	Như	3150123042	23SS	2	18 (B402)	ĐHSP
535	291635	Nguyễn Thị Quỳnh	Như	3200223088	23CTL2	2	18 (B402)	ĐHSP
536	291636	Trần Nguyễn Thảo	Như	3240423043	23SAN	2	18 (B402)	ĐHSP
537	291637	Bùi Thị Quỳnh	Như	3230123120	23SMN2	2	18 (B402)	ĐHSP
538	291638	Nguyễn Thị	Nhung	3220123281	23STH1	2	18 (B402)	ĐHSP
539	291639	Nguyễn Thị Ánh	Nhung	3170223043	23CVH	2	18 (B402)	ĐHSP
540	291640	Lý Thị Tuyết	Nhung	3220123278	23STH7	2	18 (B402)	ĐHSP
541	291641	Hoàng Thị	Nhung	3220123277	23STH1	2	18 (B402)	ĐHSP
542	291642	Trần Nữ Huyền	Nhung	3200221211	21CTL1	2	18 (B402)	ĐHSP
543	291643	Y Hoạch	Niê	3190124022	24SDL	2	19 (B403)	ĐHSP
544	291644	Đinh Thị Hải	Oanh	3220123286	23STH4	2	19 (B403)	ĐHSP
545	291645	Lê Thị Kim	Oanh	3220124208	24STH3	2	19 (B403)	ĐHSP
546	291646	Alăng Thị	Phiếu	3220123291	23STH5	2	19 (B403)	ĐHSP
547	291647	Nguyễn Chánh	Phúc	3140723074	23SKT2	2	19 (B403)	ĐHSP
548	291648	Nguyễn Văn	Phúc	3180724068	24SLD2	2	19 (B403)	ĐHSP
549	291649	Trần Minh	Phúc	3120419017	19CNTTC	2	19 (B403)	ĐHSP
550	291650	Đặng Hửu	Phước	3140725074	25SKT1	2	19 (B403)	ĐHSP
551	291651	Huỳnh Thị Bích	Phương	3180722072	22SLD1	2	19 (B403)	ĐHSP
552	291652	Trần Hồ Ái	Phương	3170223045	23CVH	2	19 (B403)	ĐHSP
553	291653	Trần Linh	Phương	3190423052	23CDDL	2	19 (B403)	ĐHSP
554	291654	Bùi Nguyễn Xuân	Phương	3140123014	23SHH	2	19 (B403)	ĐHSP
555	291655	Trần Thị Hà	Phương	3230123132	23SMN4	2	19 (B403)	ĐHSP
556	291656	Nguyễn Thành	Quang	3140323033	23CHD	2	19 (B403)	ĐHSP
557	291657	Hà Hoàng Huy	Quốc	3180223086	23CVNH2	2	19 (B403)	ĐHSP
558	291658	Trần Kim	Quy	3140723078	23SKT2	2	19 (B403)	ĐHSP
559	291659	Lê Thị Kim	Quý	3200323055	23CTXH	2	19 (B403)	ĐHSP
560	291660	Trần Huỳnh Bảo	Quyên	3240124017	24SMT	2	19 (B403)	ĐHSP
561	291661	Đào Hạ	Quyên	3140323034	23CHD	2	19 (B403)	ĐHSP
562	291662	Đỗ Ngọc Bảo	Quyên	3230123137	23SMN1	2	19 (B403)	ĐHSP
563	291663	Nguyễn Thùy	Quyên	3180523049	23CLS	2	19 (B403)	ĐHSP
564	291664	Đồng Thị Trúc	Quỳnh	3140723080	23SKT2	2	19 (B403)	ĐHSP
565	291665	Võ Thị	Quỳnh	3160523029	23SCD	2	19 (B403)	ĐHSP
566	291666	Trương Thúy	Quỳnh	3220123307	23STH5	2	19 (B403)	ĐHSP
567	291667	Trần Thị Kim	Quỳnh	3110123080	23ST2	2	19 (B403)	ĐHSP
568	291668	Bùi Thị Ngọc	Quỳnh	3230123138	23SMN2	2	19 (B403)	ĐHSP
569	291669	Trịnh Ngọc Như	Quỳnh	3230123142	23SMN2	2	19 (B403)	ĐHSP
570	291670	Trương Thị Như	Quỳnh	3170323047	23CVHH	2	19 (B403)	ĐHSP
571	291671	Nguyễn Phạm Trúc	Quỳnh	3230123141	23SMN1	2	20 (C402)	ĐHSP
572	291672	Nguyễn Thị Như	Quỳnh	3140725080	25SKT1	2	20 (C402)	ĐHSP
573	291673	Trương Thị Như	Quỳnh	3230123143	23SMN2	2	20 (C402)	ĐHSP

TT	SBD	Họ	và tên	Số thẻ SV	Lớp	Ca	Phòng	SV Trường
574	291674	Ploong Thị Bông	Sen	3180723083	23SLD1	2	20 (C402)	ĐHSP
575	291675	Vương Ngọc	Sơn	3240623045	23SGT	2	20 (C402)	ĐHSP
576	291676	Nguyễn Thị	Sương	3150423025	23CNSH	2	20 (C402)	ĐHSP
577	291677	Nguyễn Thị Thu	Sương	3180523051	23CLS	2	20 (C402)	ĐHSP
578	291678	Võ Thị Mỹ	Tài	3230123145	23SMN1	2	20 (C402)	ĐHSP
579	291679	Trần Nguyễn Thanh	Tâm	3170323050	23CVHH	2	20 (C402)	ĐHSP
580	291680	Nguyễn Thị Mỹ	Tâm	3240623047	23SGT	2	20 (C402)	ĐHSP
581	291681	Lê Thị Quý	Tâm	3170323048	23CVHH	2	20 (C402)	ĐHSP
582	291682	Nguyễn Thị Mỹ	Tâm	3180723085	23SLD2	2	20 (C402)	ĐHSP
583	291683	Nguyễn Thị An	Tâm	3200223110	23CTL1	2	20 (C402)	ĐHSP
584	291684	Phan Thị Thanh	Tâm	3200223111	23CTL2	2	20 (C402)	ĐHSP
585	291685	Nguyễn Thị Thanh	Tâm	3220125251	25STH7	2	20 (C402)	ĐHSP
586	291686	Phạm Mỹ	Tâm	3220124242	24STH7	2	20 (C402)	ĐHSP
587	291687	Nguyễn Quốc	Tấn	3240623048	23SGT	2	20 (C402)	ĐHSP
588	291688	Phạm Hồ Hồng	Thái	3230123149	23SMN4	2	20 (C402)	ĐHSP
589	291689	Nguyễn Bá	Thái	3200222071	22CTL	2	20 (C402)	ĐHSP
590	291690	Lương Như	Thắm	3120223180	23CNTT3	2	20 (C402)	ĐHSP
591	291691	Bùi Thị	Thắm	3150123031	23SS	2	20 (C402)	ĐHSP
592	291692	Võ Quang	Thắng	3120221283	21CNTT3	2	20 (C402)	ĐHSP
593	291693	Trần Vũ Vân	Thanh	3160523030	23SCD	2	20 (C402)	ĐHSP
594	291694	Trần Thị	Thanh	3220123323	23STH5	2	20 (C402)	ĐHSP
595	291695	Mai Thị Thanh	Thanh	3230123150	23SMN2	2	20 (C402)	ĐHSP
596	291696	Nguyễn Xuân	Thành	3130125025	25SVL	2	20 (C402)	ĐHSP
597	291697	Nguyễn Võ Nhật	Thành	3130125024	25SVL	2	20 (C402)	ĐHSP
598	291698	Trương Tuấn	Thành	3150123043	23SS	2	20 (C402)	ĐHSP
599	291699	Trần Phước	Thạnh	3190423065	23CDDL	2	21 (C401)	ĐHSP
600	291700	Ksor H'	Thao	3220223054	23STC	2	21 (C401)	ĐHSP
601	291701	Lê Thị Phương	Thảo	3230123153	23SMN1	2	21 (C401)	ĐHSP
602	291702	Phan Thị Ngọc	Thảo	3220124260	24STH3	2	21 (C401)	ĐHSP
603	291703	Đinh Thị Thu	Thảo	3190423067	23CDDL	2	21 (C401)	ĐHSP
604	291704	Nguyễn Thị Phương	Thảo	3190423068	23CDDL	2	21 (C401)	ĐHSP
605	291705	Võ Thị	Thảo	3150123034	23SS	2	21 (C401)	ĐHSP
606	291706	Trần Thị	Thảo	3200223113	23CTL2	2	21 (C401)	ĐHSP
607	291707	Ngô Thị Như	Thảo	3120222121	22CNTT2	2	21 (C401)	ĐHSP
608	291708	Trần Thị Phương	Thảo	3180725088	25SLD2	2	21 (C401)	ĐHSP
609	291709	Nguyễn Phương	Thảo	3220125256	25STH5	2	21 (C401)	ĐHSP
610	291710	Cao Thanh	Thảo	3170223051	23CVH	2	21 (C401)	ĐHSP
611	291711	Nguyễn Lại Mai	Thi	3180724080	24SLD1	2	21 (C401)	ĐHSP
612	291712	Nguyễn Đức Trường	Thịnh	3150423030	23CNSH	2	21 (C401)	ĐHSP
613	291713	Đoàn Hưng	Thịnh	3200223114	23CTL1	2	21 (C401)	ĐHSP
614	291714	Nguyễn Tiến	Thịnh	3120222126	22CNTT2	2	21 (C401)	ĐHSP
615	291715	Nguyễn Phan Ngọc	Thơ	3230123158	23SMN2	2	21 (C401)	ĐHSP
616	291716	Võ Đặng Anh	Thơ	3230123159	23SMN3	2	21 (C401)	ĐHSP
617	291717	Trần Ngọc Kim	Thoa	3180223106	23CVNH2	2	21 (C401)	ĐHSP
618	291718	Hà Thị Thu	Thỏa	3220123338	23STH7	2	21 (C401)	ĐHSP
619	291719	Huỳnh Thị	Thu	3230123160	23SMN4	2	21 (C401)	ĐHSP
620	291720	Lê Nguyễn Anh	Thư	3170223055	23CVH	2	21 (C401)	ĐHSP

TT	SBD	Họ	và tên	Số thẻ SV	Lớp	Ca	Phòng	SV Trường
621	291721	Hứa Như	Thuần	3180224085	24CVNH2	2	21 (C401)	ĐHSP
622	291722	Nguyễn Ngọc	Thuần	3220123350	23STH4	2	21 (C401)	ĐHSP
623	291723	Nguyễn Lê Thanh	Thuận	3170123107	23SNV1	2	21 (C401)	ĐHSP
624	291724	Nguyễn Đoan	Thục	3110123091	23ST2	2	21 (C401)	ĐHSP
625	291725	Nguyễn Thị Hoài	Thương	3230123166	23SMN2	2	21 (C401)	ĐHSP
626	291726	Nguyễn Ngọc Hoài	Thương	3200419033	19CTLC	2	21 (C401)	ĐHSP
627	291727	Nguyễn Thị Mỹ	Thương	3130323014	23CVK	2	21 (C401)	ĐHSP
628	291728	Phạm Hoài	Thương	3230123167	23SMN3	2	21 (C401)	ĐHSP
629	291729	Phan Thị Hoài	Thương	3130123022	23SVL	2	21 (C401)	ĐHSP
630	291730	Lê Thị	Thương	3160523038	23SCD	2	21 (C401)	ĐHSP
631	291731	Nguyễn Thị Hoài	Thương	3160123022	23SGC	2	21 (C401)	ĐHSP
632	291732	Nguyễn Sông	Thương	3170123110	23SNV1	2	21 (C401)	ĐHSP
633	291733	Trang Tưởng Trâm	Thuy	3170124089	24SNV2	2	21 (C401)	ĐHSP
634	291734	Nguyễn Thị	Thúy	3190123045	23SDL	2	21 (C401)	ĐHSP
635	291735	Hà Thị Thanh	Thúy	3160523039	23SCD	2	21 (C401)	ĐHSP
636	291736	Trần Thanh	Thúy	3220123358	23STH4	2	21 (C401)	ĐHSP
637	291737	Hồ Thị Phương	Thúy	3170323062	23CVHH	2	21 (C401)	ĐHSP
638	291738	Hồ Thanh	Thúy	3190421099	21CDDL	2	21 (C401)	ĐHSP
639	291739	Giáp Thị Thu	Thùy	3180724087	24SLD1	2	21 (C401)	ĐHSP
640	291740	Phan Thị Thu	Thủy	3170223059	23CVH	2	21 (C401)	ĐHSP
641	291741	Trần Trọng	Thủy	3220223060	23STC	2	21 (C401)	ĐHSP
642	291742	Võ Lê Thu	Thủy	3180724088	24SLD2	2	21 (C401)	ĐHSP
643	291743	Vũ Xuân	Thủy	3150123036	23SS	2	21 (C401)	ĐHSP
644	291744	Nguyễn Thị Thủy	Tiên	3230123175	23SMN1	2	22 (C404)	ĐHSP
645	291745	Nguyễn Thị Tố	Tiên	3180723102	23SLD2	2	22 (C404)	ĐHSP
646	291746	Lê Nguyễn Hải	Tiến	3120221298	21CNTT2	2	22 (C404)	ĐHSP
647	291747	Trần Hữu	Tiến	3120223200	23CNTT1	2	22 (C404)	ĐHSP
648	291748	Nguyễn Thị Thanh	Tịnh	3190423078	23CDDL	2	22 (C404)	ĐHSP
649	291749	Hồ Xuân	Toàn	3180523061	23CLS	2	22 (C404)	ĐHSP
650	291750	Trần Thị Kiều	Trâm	3230123180	23SMN4	2	22 (C404)	ĐHSP
651	291751	Lê Thị Thùy	Trâm	3120224150	24CNTT2	2	22 (C404)	ĐHSP
652	291752	Coor Thị Bích	Trâm	3220123366	23STH7	2	22 (C404)	ĐHSP
653	291753	Đinh Thị Kiều	Trâm	3230124173	24SMN3	2	22 (C404)	ĐHSP
654	291754	Võ Mai Bích	Trâm	3240423056	23SAN	2	22 (C404)	ĐHSP
655	291755	Nguyễn Bảo	Trân	3120223209	23CNTT1	2	22 (C404)	ĐHSP
656	291756	Huỳnh Thị Kiều	Trang	3200323078	23CTXH	2	22 (C404)	ĐHSP
657	291757	Nguyễn Thị Huyền	Trang	3230123184	23SMN3	2	22 (C404)	ĐHSP
658	291758	Đinh Thị Thu	Trang	3230124180	24SMN2	2	22 (C404)	ĐHSP
659	291759	Trần Thị	Trang	3230123188	23SMN4	2	22 (C404)	ĐHSP
660	291760	Đinh Thị Bảo	Trang	3170123115	23SNV1	2	22 (C404)	ĐHSP
661	291761	Nguyễn Thị Thanh	Trang	3190123047	23SDL	2	22 (C404)	ĐHSP
662	291762	Nguyễn Hà Thu	Trang	3170223065	23CVH	2	22 (C404)	ĐHSP
663	291763	Nguyễn Thị Huyền	Trang	3180723110	23SLD1	2	22 (C404)	ĐHSP
664	291764	Hoàng Thị Bảo	Trang	3230123182	23SMN1	2	22 (C404)	ĐHSP
665	291765	Nguyễn Thị Quỳnh	Trang	3180223123	23CVNH2	2	22 (C404)	ĐHSP
666	291766	Hồ Thị Phương	Trang	3220123389	23STH5	2	22 (C404)	ĐHSP
667	291767	Võ Văn Minh	Trí	3120223214	23CNTT3	2	22 (C404)	ĐHSP

TT	SBD	Họ	và tên	Số thẻ SV	Lớp	Ca	Phòng	SV Trường
668	291768	Lương An	Triều	3180223128	23CVNH2	2	22 (C404)	ĐHSP
669	291769	Ngô Thị Hoài	Trinh	3120223216	23CNTT1	2	22 (C404)	ĐHSP
670	291770	Ngô Thị Ngọc	Trinh	3140723112	23SKT2	2	22 (C404)	ĐHSP
671	291771	Nguyễn Xuân	Trinh	3170223066	23CVH	2	22 (C404)	ĐHSP
672	291772	Phan Thị Phương	Trinh	3170223067	23CVH	2	22 (C404)	ĐHSP
673	291773	Arất Thị	Trinh	3230123190	23SMN2	2	22 (C404)	ĐHSP
674	291774	Đặng Ngọc Băng	Trinh	3190423082	23CDDL	2	22 (C404)	ĐHSP
675	291775	Trà Thị ÁI	Trinh	3140721085	21SKT1	2	22 (C404)	ĐHSP
676	291776	Mai Thị Thanh	Trúc	3230123193	23SMN1	2	22 (C404)	ĐHSP
677	291777	Bùi Thanh	Trúc	3140724100	24SKT2	2	22 (C404)	ĐHSP
678	291778	Phan Thị Thanh	Trúc	3180224103	24CVNH2	2	22 (C404)	ĐHSP
679	291779	Phạm Đoàn Như	Trúc	3230123194	23SMN2	2	22 (C404)	ĐHSP
680	291780	Trần Thanh	Trúc	3180223131	23CVNH1	2	22 (C404)	ĐHSP
681	291781	Nguyễn Quang	Trường	3160420019	20SAN	2	22 (C404)	ĐHSP
682	291782	Nguyễn Ngọc	Tú	3180724099	24SLD1	2	22 (C404)	ĐHSP
683	291783	Nguyễn Thế	Tú	3220223068	23STC	2	22 (C404)	ĐHSP
684	291784	Trần Hữu	Tuấn	3120421023	21CNTTC	2	22 (C404)	ĐHSP
685	291785	Ngô Quốc	Tuấn	3200323085	23CTXH	2	22 (C404)	ĐHSP
686	291786	Phan Anh	Tuấn	3130121123	21SVL1	2	22 (C404)	ĐHSP
687	291787	Lê Nguyễn Cát	Tường	3230123196	23SMN1	2	22 (C404)	ĐHSP
688	291788	Phan Thị Thanh	Tuyền	3180223134	23CVNH1	2	22 (C404)	ĐHSP
689	291789	Nguyễn Thị Ánh	Tuyết	3220123404	23STH5	3	23 (A202)	ĐHSP
690	291790	Mai Phương	Uyên	3110124083	24ST1	3	23 (A202)	ĐHSP
691	291791	Lê Ngọc Kim	Uyên	3180224106	24CVNH2	3	23 (A202)	ĐHSP
692	291792	Ksor H' Mỹ	Uyên	3160523045	23SCD	3	23 (A202)	ĐHSP
693	291793	Lê Thị Phương	Uyên	3220124310	24STH2	3	23 (A202)	ĐHSP
694	291794	Nguyễn Thị Phương	Uyên	3230123204	23SMN2	3	23 (A202)	ĐHSP
695	291795	Nguyễn Thị Khánh	Uyên	3180523072	23CLS	3	23 (A202)	ĐHSP
696	291796	Phạm Thị Xuân	Uyên	3200223142	23CTL1	3	23 (A202)	ĐHSP
697	291797	Đặng Lâm Thanh	Vân	3170124085	24SNV2	3	23 (A202)	ĐHSP
698	291798	Nguyễn Thị Thu	Vân	3150423045	23CNSH	3	23 (A202)	ĐHSP
699	291799	Bùi Thị Ngọc	Vân	3150323013	23CTM	3	23 (A202)	ĐHSP
700	291800	Ngô Thị Hải	Viên	3180124017	24SLS	3	23 (A202)	ĐHSP
701	291801	Dương Vũ Minh	Việt	3120123040	23SPT	3	23 (A202)	ĐHSP
702	291802	Lê Công	Vinh	3180723118	23SLD1	3	23 (A202)	ĐHSP
703	291803	Nguyễn Thị Thúy	Vy	3230124213	24SMN3	3	23 (A202)	ĐHSP
704	291804	Nguyễn Thị Hồng	Vy	3220123418	23STH3	3	23 (A202)	ĐHSP
705	291805	Nguyễn Tường	Vy	3170223078	23CVH	3	23 (A202)	ĐHSP
706	291806	Trương Thị	Vy	3240423068	23SAN	3	23 (A202)	ĐHSP
707	291807	Trương Thị Hà	Vy	3170123130	23SNV2	3	23 (A202)	ĐHSP
708	291808	Phan Thị Yến	Vy	3180223147	23CVNH2	3	23 (A202)	ĐHSP
709	291809	Nguyễn Thị Lan	Vy	3160523054	23SCD	3	23 (A202)	ĐHSP
710	291810	Trần Lê Tường	Vy	3180223149	23CVNH2	3	23 (A202)	ĐHSP
711	291811	Hà Thị Thảo	Vy	3180224113	24CVNH2	3	23 (A202)	ĐHSP
712	291812	Nguyễn Thị Thảo	Vy	3220123419	23STH4	3	23 (A202)	ĐHSP
713	291813	Võ Thị Kiều	Vy	3180223150	23CVNH1	3	23 (A202)	ĐHSP

TT	SBD	Họ	và tên	Số thẻ SV	Lớp	Ca	Phòng	SV Trường
714	291814	Nguyễn Thị Thảo	Vy	3180722116	22SLD1	3	23 (A202)	ĐHSP
715	291815	Lê Thị Thảo	Vy	3240423066	23SAN	3	23 (A202)	ĐHSP
716	291816	Lê Thị	Xuân	3140723127	23SKT2	3	23 (A202)	ĐHSP
717	291817	Kpă	Xương	3220123426	23STH7	3	23 (A202)	ĐHSP
718	291818	Cao Cẩm	Xuyên	3110123113	23ST2	3	24 (A203)	ĐHSP
719	291819	Hà Thị	Ý	3220123428	23STH2	3	24 (A203)	ĐHSP
720	291820	Trương Văn	Ý	3120223242	23CNTT2	3	24 (A203)	ĐHSP
721	291821	Trần Thị Như	Ý	3180620015	20CVNHC	3	24 (A203)	ĐHSP
722	291822	Lê Thị Như	Ý	3220123430	23STH7	3	24 (A203)	ĐHSP
723	291823	Trần Thị Diệu	Yến	3120223243	23CNTT3	3	24 (A203)	ĐHSP
724	291824	Tơ Ngôl Thị	Yến	3220123451	23STH1	3	24 (A203)	ĐHSP
725	291825	Nguyễn Hoàng Hải	Yến	3180522053	22CLS	3	24 (A203)	ĐHSP
726	291826	Rcom	Yusa	3230123214	23SMN2	3	24 (A203)	ĐHSP
727	291827	Nguyễn Thành	An	21115051220101	21D1	3	24 (A203)	ĐHSPKT
728	291828	Võ Đình	An	23115042122101	23DL1	3	24 (A203)	ĐHSPKT
729	291829	Hồ Hoàng	Anh	22115054122103	22DT1	3	24 (A203)	ĐHSPKT
730	291830	Đinh Hoàng Tuấn	Anh	23115043122202	23N2	3	24 (A203)	ĐHSPKT
731	291831	Ngô Viết	Bản	22115044122104	22CDT1	3	24 (A203)	ĐHSPKT
732	291832	Lê Đức	Bảo	22115051222105	22D2	3	24 (A203)	ĐHSPKT
733	291833	Đỗ Huỳnh Gia	Bảo	22115044122203	22CDT2	3	24 (A203)	ĐHSPKT
734	291834	Nguyễn Công	Cảnh	22115042122106	22DL1	3	24 (A203)	ĐHSPKT
735	291835	Nguyễn Đình	Chiến	21115051220106	21D2	3	24 (A203)	ĐHSPKT
736	291836	Huỳnh Văn	Chính	2415041122305	24C3	3	24 (A203)	ĐHSPKT
737	291837	Trịnh Nguyên	Chương	21115041120203	21C2	3	24 (A203)	ĐHSPKT
738	291838	Nguyễn Thành	Công	21115041120204	21C2	3	24 (A203)	ĐHSPKT
739	291839	Võ Ngọc	Danh	22115044122207	22CDT2	3	24 (A203)	ĐHSPKT
740	291840	Phạm Tuấn	Đạt	21115042120210	21DL2	3	24 (A203)	ĐHSPKT
741	291841	Ngô Thành	Đạt	25115054125115	25DT1	3	24 (A203)	ĐHSPKT
742	291842	Lê Văn	Đạt	22115042122109	22DL1	3	24 (A203)	ĐHSPKT
743	291843	Đặng Văn	Đạt	23115041122208	23C2	3	24 (A203)	ĐHSPKT
744	291844	Nguyễn Văn	Điền	22115055122214	22TDH2	3	24 (A203)	ĐHSPKT
745	291845	Trần Ngọc	Định	21115051220208	21D3	3	24 (A203)	ĐHSPKT
746	291846	Đào Văn	Định	23115055122309	23TDH3	3	24 (A203)	ĐHSPKT
747	291847	Võ Tấn	Đô	22115051222113	22D2	3	25 (A401)	ĐHSPKT
748	291848	Hồ Minh	Dũng	22115051222313	22D1	3	25 (A401)	ĐHSPKT
749	291849	Hoàng Anh	Dũng	23115055122311	23TDH3	3	25 (A401)	ĐHSPKT
750	291850	Trần Quốc	Dũng	22115042122111	22DL1	3	25 (A401)	ĐHSPKT
751	291851	Nguyễn Anh	Dũng	23115042122111	23DL1	3	25 (A401)	ĐHSPKT
752	291852	Võ Công	Dương	22115044122114	22CDT1	3	25 (A401)	ĐHSPKT
753	291853	Võ Ngọc	Duy	22115041122213	22C2	3	25 (A401)	ĐHSPKT
754	291854	Nguyễn Hoàng	Hà	22115043122209	22N2	3	25 (A401)	ĐHSPKT
755	291855	Lê Việt	Hà	22115041122114	22C1	3	25 (A401)	ĐHSPKT
756	291856	Nguyễn Hữu	Hải	2050551200124	20TDH1	3	25 (A401)	ĐHSPKT
757	291857	Nguyễn Văn	Hải	21115044120213	21CDT2	3	25 (A401)	ĐHSPKT
758	291858	Hoàng Đình Lâm	Hải	22115053122315	22T3	3	25 (A401)	ĐHSPKT
759	291859	Cao Anh	Hào	22115044122211	22CDT2	3	25 (A401)	ĐHSPKT
760	291860	Lý Thành	Hiền	23115042122117	23DL1	3	25 (A401)	ĐHSPKT

TT	SBD	Họ	và tên	Số thẻ SV	Lớp	Ca	Phòng	SV Trường
761	291861	Phạm Đình	Hiền	22115042122114	22DL1	3	25 (A401)	ĐHSPKT
762	291862	Phan Thanh Anh	Hiển	22115044122118	22CDT1	3	25 (A401)	ĐHSPKT
763	291863	Cao Đình	Hiệp	22115044122119	22CDT1	3	25 (A401)	ĐHSPKT
764	291864	Diệp Văn	Hiếu	22115053122316	22T3	3	25 (A401)	ĐHSPKT
765	291865	Phan Trung	Hiếu	22115044122121	22CDT1	3	25 (A401)	ĐHSPKT
766	291866	Nguyễn Minh	Hiếu	22115061122219	22XD2	3	25 (A401)	ĐHSPKT
767	291867	Phan Văn	Hiếu	21115064120105	21XH1	3	25 (A401)	ĐHSPKT
768	291868	Trần Đức	Hoài	2050421200135	20DL1	3	25 (A401)	ĐHSPKT
769	291869	Trần Quang	Hoàn	22115055122225	22TDH2	3	25 (A401)	ĐHSPKT
770	291870	Hà Lê Thanh	Hoàng	22115051222123	22D1	3	25 (A401)	ĐHSPKT
771	291871	Lê Tự	Hoàng	22115051222122	22D2	3	25 (A401)	ĐHSPKT
772	291872	Phan Xuân	Hoàng	2415054122114	24DT1	3	25 (A401)	ĐHSPKT
773	291873	Trần Xuân	Hoàng	2050611200115	20XD1	3	25 (A401)	ĐHSPKT
774	291874	Đoàn Văn	Hội	22115051222206	22D2	3	25 (A401)	ĐHSPKT
775	291875	Nguyễn Thị	Huệ	22115053122215	22T2	3	26 (A402)	ĐHSPKT
776	291876	Đoàn Ngọc	Hùng	22115055122230	22TDH2	3	26 (A402)	ĐHSPKT
777	291877	Nguyễn Phúc	Hưng	22115044122216	22CDT2	3	26 (A402)	ĐHSPKT
778	291878	Trần Thành	Hưng	23115043122214	23N2	3	26 (A402)	ĐHSPKT
779	291879	Mai Hồng Quang	Huy	21115044120122	21CDT1	3	26 (A402)	ĐHSPKT
780	291880	Bùi Lâm Gia	Huy	23115073122143	23KHH1	3	26 (A402)	ĐHSPKT
781	291881	Nguyễn Hữu	Huy	1811504110220	18C2	3	26 (A402)	ĐHSPKT
782	291882	Tán Quang	Huy	22115053122320	22T3	3	26 (A402)	ĐHSPKT
783	291883	Võ Ngọc	Huy	22115054122123	22DT1	3	26 (A402)	ĐHSPKT
784	291884	Hạ Ngọc	Khải	23115041122218	23C2	3	26 (A402)	ĐHSPKT
785	291885	Hồ Nhật	Khánh	21115055120135	21TDH1	3	26 (A402)	ĐHSPKT
786	291886	Ngô Duy	Khánh	22115044122219	22CDT2	3	26 (A402)	ĐHSPKT
787	291887	Trương Quốc	Khánh	21115053120323	21T3	3	26 (A402)	ĐHSPKT
788	291888	Phạm	Khánh	22115051222209	22D1	3	26 (A402)	ĐHSPKT
789	291889	Nguyễn Đăng	Khoa	22115141122108	22SK1	3	26 (A402)	ĐHSPKT
790	291890	Trần Minh	Khuê	23115075123105	23KHH1	3	26 (A402)	ĐHSPKT
791	291891	Đậu Trung	Kiên	22115044122220	22CDT2	3	26 (A402)	ĐHSPKT
792	291892	Huỳnh Ngọc	Lâm	22115055122138	22TDH1	3	26 (A402)	ĐHSPKT
793	291893	Trần Phước Hoàng	Lâm	23115043122221	23N2	3	26 (A402)	ĐHSPKT
794	291894	Bùi Thanh	Lâm	22115044122221	22CDT2	3	26 (A402)	ĐHSPKT
795	291895	Phạm Thị	Liến	23115061122221	23XD2	3	26 (A402)	ĐHSPKT
796	291896	Lê Huỳnh	Long	23115041122331	23C3	3	26 (A402)	ĐHSPKT
797	291897	Võ Đức	Lương	2050611200133	20XD1	3	26 (A402)	ĐHSPKT
798	291898	Nguyễn Văn	Lũy	23115053122117	23T1	3	26 (A402)	ĐHSPKT
799	291899	Lê Minh	Mẫn	22115042122246	22DL2	3	26 (A402)	ĐHSPKT
800	291900	Ngô Công	Mạnh	23115043122223	23N2	3	26 (A402)	ĐHSPKT
801	291901	Phạm Ngọc	Minh	22115044122229	22CDT2	3	26 (A402)	ĐHSPKT
802	291902	Huỳnh Ngọc	Minh	23115055122326	23TDH3	3	26 (A402)	ĐHSPKT
803	291903	Trần Công	Minh	22115042122132	22DL1	3	27 (A403)	ĐHSPKT
804	291904	Lê Duy	Minh	21115054120129	21DT1	3	27 (A403)	ĐHSPKT
805	291905	Nguyễn Đức Hoài	Nam	22115055122248	22TDH2	3	27 (A403)	ĐHSPKT
806	291906	Lê Hoài	Nam	2415053122327	24T3	3	27 (A403)	ĐHSPKT
807	291907	Phạm Hoàng	Nam	23115041122131	23C1	3	27 (A403)	ĐHSPKT

TT	SBD	Họ	và tên	Số thẻ SV	Lớp	Ca	Phòng	SV Trường
808	291908	Trần Văn	Nam	22115042122134	22DL1	3	27 (A403)	ĐHSPKT
809	291909	Nguyễn Thị Quỳnh	Nga	21115054120134	21DT1	3	27 (A403)	ĐHSPKT
810	291910	Nguyễn Văn	Nghiêm	22115042122137	22DL1	3	27 (A403)	ĐHSPKT
811	291911	Lê Thanh	Ngoan	23115041122133	23C1	3	27 (A403)	ĐHSPKT
812	291912	Nguyễn Nhật	Nguyên	22115061122236	22XD2	3	27 (A403)	ĐHSPKT
813	291913	Võ Nguyễn Bá	Nguyên	22115044122136	22CDT1	3	27 (A403)	ĐHSPKT
814	291914	Võ Văn	Nhân	22115055122147	22TDH1	3	27 (A403)	ĐHSPKT
815	291915	Hồ Phan Minh	Nhật	22115043122221	22N2	3	27 (A403)	ĐHSPKT
816	291916	Trần Cảnh Thanh	Nhiều	21115054120142	21DT1	3	27 (A403)	ĐHSPKT
817	291917	Lê Quang	Nhựt	22115041122240	22C2	3	27 (A403)	ĐHSPKT
818	291918	Trần Thị Sa	Ny	23115061122228	23XD2	3	27 (A403)	ĐHSPKT
819	291919	Bùi Duy	Pháp	21115041120135	21C1	3	27 (A403)	ĐHSPKT
820	291920	Đàm Thiên	Phát	23115041122224	23C2	3	27 (A403)	ĐHSPKT
821	291921	Hồ Công Văn	Phát	22115051222222	22D2	3	27 (A403)	ĐHSPKT
822	291922	Trần Nhật	Phong	22115043122223	22N2	3	27 (A403)	ĐHSPKT
823	291923	Lê Quang	Phong	22115042122143	22DL1	3	27 (A403)	ĐHSPKT
824	291924	Nguyễn Văn Hoài	Phong	2050611200137	20XD1	3	27 (A403)	ĐHSPKT
825	291925	Đặng Nguyễn Quốc	Phú	22115043122128	22N1	3	27 (A403)	ĐHSPKT
826	291926	Phạm Xuân	Phú	22115051222226	22D3	3	27 (A403)	ĐHSPKT
827	291927	Võ Đức	Phú	23115053122130	23T1	3	27 (A403)	ĐHSPKT
828	291928	Lê Xuân	Phúc	22115043122225	22N2	3	27 (A403)	ĐHSPKT
829	291929	Dương Thành	Phúc	22115042122145	22DL1	3	27 (A403)	ĐHSPKT
830	291930	Võ Văn	Phúc	22115051222335	22D1	3	27 (A403)	ĐHSPKT
831	291931	Nguyễn Đắc	Phước	22115042122255	22DL2	3	28 (B401)	ĐHSPKT
832	291932	Kiều Xuân	Phước	22115043122129	22N1	3	28 (B401)	ĐHSPKT
833	291933	Hoàng Minh	Phương	22115073122120	22HTP1	3	28 (B401)	ĐHSPKT
834	291934	Hoàng Bảo	Quân	23115061122130	23XD1	3	28 (B401)	ĐHSPKT
835	291935	Phan Tấn	Quang	23115043122230	23N2	3	28 (B401)	ĐHSPKT
836	291936	Lê Xuân	Quang	21115051220151	21D1	3	28 (B401)	ĐHSPKT
837	291937	Võ Minh	Quang	22115055122257	22TDH2	3	28 (B401)	ĐHSPKT
838	291938	Nguyễn Văn	Quang	22115051222137	22D2	3	28 (B401)	ĐHSPKT
839	291939	Lê Hào	Quang	23115042122135	23DL1	3	28 (B401)	ĐHSPKT
840	291940	Trần Ngọc	Quí	22115053122237	22T2	3	28 (B401)	ĐHSPKT
841	291941	Bùi Tiến	Quốc	22115051222138	22D2	3	28 (B401)	ĐHSPKT
842	291942	Nguyễn Văn	Quốc	23115043122231	23N2	3	28 (B401)	ĐHSPKT
843	291943	Đinh Tấn	Quốc	23115061122131	23XD1	3	28 (B401)	ĐHSPKT
844	291944	Bùi Lê Công	Quý	21115041120140	21C1	3	28 (B401)	ĐHSPKT
845	291945	Huỳnh Minh	Sang	22115041122151	22C1	3	28 (B401)	ĐHSPKT
846	291946	Nguyễn Anh	Sơn	22115051222142	22D1	3	28 (B401)	ĐHSPKT
847	291947	Phan Viết Ngọc	Sơn	22115042122152	22DL1	3	28 (B401)	ĐHSPKT
848	291948	Nguyễn Phước	Sỹ	23115042122337	23DL3	3	28 (B401)	ĐHSPKT
849	291949	Phan Minh	Tài	22115053122243	22T2	3	28 (B401)	ĐHSPKT
850	291950	Phạm Hữu	Tài	23115042122242	23DL2	3	28 (B401)	ĐHSPKT
851	291951	Nguyễn Đức	Tài	2415053122240	24T2	3	28 (B401)	ĐHSPKT
852	291952	Huỳnh Nhật	Tân	23115061122133	23XD1	3	28 (B401)	ĐHSPKT
853	291953	Nguyễn Thành	Tân	2050421200235	20DL2	3	28 (B401)	ĐHSPKT
854	291954	Nguyễn Thành	Thắng	22115064122109	22XH1	3	28 (B401)	ĐHSPKT

TT	SBD	Họ	và tên	Số thẻ SV	Lớp	Ca	Phòng	SV Trường
855	291955	NguyễN HữU	ThắNg	21115061120136	21XD1	3	28 (B401)	ĐHSPKT
856	291956	Phan Phước	Thắng	23115042122343	23DL3	3	28 (B401)	ĐHSPKT
857	291957	Phan Tấn	Thanh	21115051220252	21D3	3	28 (B401)	ĐHSPKT
858	291958	Nguyễn Tấn Tất	Thành	21115041120245	21C2	3	28 (B401)	ĐHSPKT
859	291959	Lê Đại	Thành	22115053122340	22T3	3	29 (B402)	ĐHSPKT
860	291960	Đặng Phước	Thạnh	22115053122246	22T2	3	29 (B402)	ĐHSPKT
861	291961	Nguyễn	Thảo	23115051222359	23D3	3	29 (B402)	ĐHSPKT
862	291962	Nguyễn Đình	Thi	23115043122237	23N2	3	29 (B402)	ĐHSPKT
863	291963	Võ Ngọc	Thiên	23115041122241	23C2	3	29 (B402)	ĐHSPKT
864	291964	Đoàn Trọng	Thiện	21115051220160	21D1	3	29 (B402)	ĐHSPKT
865	291965	Võ Văn	Thiệp	21115055120262	21TDH2	3	29 (B402)	ĐHSPKT
866	291966	Nguyễn Phú	Thọ	22115051222143	22D2	3	29 (B402)	ĐHSPKT
867	291967	Võ Công	Thọ	22115044122145	22CDT1	3	29 (B402)	ĐHSPKT
868	291968	Nguyễn Doãn	Thông	22115041122158	22C1	3	29 (B402)	ĐHSPKT
869	291969	Trần Quý	Thông	2415042122151	24DL1	3	29 (B402)	ĐHSPKT
870	291970	Trần Lê Anh	Thư	23115073122144	23HTP1	3	29 (B402)	ĐHSPKT
871	291971	Huỳnh Ngọc	Thuận	23115042122145	23DL1	3	29 (B402)	ĐHSPKT
872	291972	Đào Chung	Thủy	2050531200343	20T3	3	29 (B402)	ĐHSPKT
873	291973	Trần Quốc	Thủy	23115055122346	23TĐH3	3	29 (B402)	ĐHSPKT
874	291974	Phạm Văn	Thuyên	2415055122263	24TDH2	3	29 (B402)	ĐHSPKT
875	291975	Phạm Trung	Tiến	22115042122265	22DL2	3	29 (B402)	ĐHSPKT
876	291976	Trần Văn	Tiến	22115055122267	22TDH2	3	29 (B402)	ĐHSPKT
877	291977	Nguyễn Trần	Tiến	23115043122239	23N2	3	29 (B402)	ĐHSPKT
878	291978	Phan Trần	Tiến	22115051222236	22D3	3	29 (B402)	ĐHSPKT
879	291979	Nguyễn Văn	Tiệp	23115043122240	23N2	3	29 (B402)	ĐHSPKT
880	291980	NguyễN Văn	Tin	21115041120252	21C2	3	29 (B402)	ĐHSPKT
881	291981	Nguyễn Văn	Tin	23115041122148	23C1	3	29 (B402)	ĐHSPKT
882	291982	Trần Viết Bảo	Toàn	23115042122147	23DL1	3	29 (B402)	ĐHSPKT
883	291983	Lê Văn	Toản	22115042122266	22DL2	3	29 (B402)	ĐHSPKT
884	291984	Lê Thị Huyền	Trang	22115053122248	22T2	3	29 (B402)	ĐHSPKT
885	291985	Ngô Hoàng	Trang	21115051220165	21D1	3	29 (B402)	ĐHSPKT
886	291986	Lê	Trí	22115054122172	22DT1	3	29 (B402)	ĐHSPKT
887	291987	Nguyễn Hữu	Trí	21115042120166	21DL1	3	30 (B403)	ĐHSPKT
888	291988	Nguyễn Minh	Trí	22115043122238	22N2	3	30 (B403)	ĐHSPKT
889	291989	Trần Quang	Triều	22115041122161	22C1	3	30 (B403)	ĐHSPKT
890	291990	Võ Nhựt	Triều	22115043122239	22N2	3	30 (B403)	ĐHSPKT
891	291991	Đặng Xuân	Trinh	22115044122149	22CDT1	3	30 (B403)	ĐHSPKT
892	291992	Đoàn Minh	Trông	23115043122242	23N2	3	30 (B403)	ĐHSPKT
893	291993	Bùi Thái	Trọng	22115044122252	22CDT2	3	30 (B403)	ĐHSPKT
894	291994	Lê Công	Trọng	22115044122150	22CDT1	3	30 (B403)	ĐHSPKT
895	291995	Khổng Minh	Trung	2050611200168	20XD1	3	30 (B403)	ĐHSPKT
896	291996	Lê Thế	Trường	23115042122350	23DL3	3	30 (B403)	ĐHSPKT
897	291997	Hồ Xuân	Trường	22115044122153	22CDT1	3	30 (B403)	ĐHSPKT
898	291998	Phạm Nhật	Trường	22115051222145	22D1	3	30 (B403)	ĐHSPKT
899	291999	Lê Thiên	Trường	22115044122154	22CDT1	3	30 (B403)	ĐHSPKT
900	292000	Đỗ Huỳnh	Trường	23115041122251	23C2	3	30 (B403)	ĐHSPKT
901	292001	Nguyễn Xuân	Trưởng	22115051222243	22D3	3	30 (B403)	ĐHSPKT

TT	SBD	Họ	và tên	Số thẻ SV	Lớp	Ca	Phòng	SV Trường
902	292002	Đinh Ngọc	Tuấn	2415055122274	24TDH2	3	30 (B403)	ĐHSPKT
903	292003	Nguyễn Văn	Tuấn	22115051222246	22D1	3	30 (B403)	ĐHSPKT
904	292004	Dương Nguyễn Duy	Tuấn	23115041122154	23C1	3	30 (B403)	ĐHSPKT
905	292005	Đặng	Tuấn	23115061122238	23XD2	3	30 (B403)	ĐHSPKT
906	292006	Đoàn Phước	Tuấn	23115051222137	23D1	3	30 (B403)	ĐHSPKT
907	292007	Hồ Thanh	Tùng	22115061122158	22XD1	3	30 (B403)	ĐHSPKT
908	292008	Nguyễn Mạnh	Tường	22115064122113	22XH1	3	30 (B403)	ĐHSPKT
909	292009	Nguyễn Thị Khánh	Vân	23115073122145	23HTP1	3	30 (B403)	ĐHSPKT
910	292010	Nguyễn Thị	Vân	22115073122143	22HTP1	3	30 (B403)	ĐHSPKT
911	292011	Lê Khắc	Vĩ	23115043122247	23N2	3	30 (B403)	ĐHSPKT
912	292012	Nguyễn Hữu	Việt	23115061122239	23XD2	3	30 (B403)	ĐHSPKT
913	292013	Phan Đức	Việt	22115042122272	22DL2	3	30 (B403)	ĐHSPKT
914	292014	Lê Quốc	Việt	21115042120172	21DL1	3	30 (B403)	ĐHSPKT
915	292015	Phạm Phú	Vinh	22115044122261	22CDT2	3	31 (C402)	ĐHSPKT
916	292016	Phương Công	Vinh	22115043122145	22N1	3	31 (C402)	ĐHSPKT
917	292017	Lê Viết Thành	Vinh	21115044120165	21CDT1	3	31 (C402)	ĐHSPKT
918	292018	Nguyễn Quang	Vinh	22115042122172	22DL1	3	31 (C402)	ĐHSPKT
919	292019	Phạm Ngọc	Vũ	21115043120163	21N1	3	31 (C402)	ĐHSPKT
920	292020	Nguyễn Hoài	Vũ	23115061122242	23XD2	3	31 (C402)	ĐHSPKT
921	292021	Nguyễn Ngọc	Vương	22115044122262	22CDT2	3	31 (C402)	ĐHSPKT
922	292022	Nguyễn Hoàng Đình	Vỹ	22115044122263	22CDT2	3	31 (C402)	ĐHSPKT
923	292023	Nguyễn Quang	Ý	22115041122171	22C1	3	31 (C402)	ĐHSPKT
924	292024	Nguyễn Thị Vân	Anh	22IT005	22JIT	3	31 (C402)	ĐHCNTT&TTVH
925	292025	Vũ Kim	Ánh	23DM005	23DM1	3	31 (C402)	ĐHCNTT&TTVH
926	292026	Lê Minh	Chánh	21IT191	21SE3	3	31 (C402)	ĐHCNTT&TTVH
927	292027	Đặng Thị Kim	Chi	22DA010	22DA	3	31 (C402)	ĐHCNTT&TTVH
928	292028	Hồ Anh	Đào	23EF011	23EF	3	31 (C402)	ĐHCNTT&TTVH
929	292029	Nguyễn Hồ Thành	Đạt	22IT061	22SE2	3	31 (C402)	ĐHCNTT&TTVH
930	292030	Nguyễn Tiến	Đạt	22IT.B046	22KIT	3	31 (C402)	ĐHCNTT&TTVH
931	292031	Trần Minh	Đức	24DM130	24DM	3	31 (C402)	ĐHCNTT&TTVH
932	292032	Lê Văn	Dũng	20IT142	20SE4	3	31 (C402)	ĐHCNTT&TTVH
933	292033	Lương Vũ Bảo	Duy	21CE011	21CE1	3	31 (C402)	ĐHCNTT&TTVH
934	292034	Hà Khánh	Giang	23EL022	23EL2	3	31 (C402)	ĐHCNTT&TTVH
935	292035	Lê Hòa	Giang	22DA017	22DA	3	31 (C402)	ĐHCNTT&TTVH
936	292036	Nguyễn Thị Hoài	Hà	22IT073	22GIT	3	31 (C402)	ĐHCNTT&TTVH
937	292037	Tăng Thu	Hà	23DM018	23DM1	3	31 (C402)	ĐHCNTT&TTVH
938	292038	Võ Thị Ngọc	Hạnh	22IT077	22SE2	3	31 (C402)	ĐHCNTT&TTVH
939	292039	Võ Lệ	Hiên	25FT016	25FT	3	31 (C402)	ĐHCNTT&TTVH
940	292040	Trần Thị Kim	Hiền	21IT478	21NS	3	31 (C402)	ĐHCNTT&TTVH
941	292041	Đinh Nguyễn Chí	Hiếu	22IT087	22MC	3	31 (C402)	ĐHCNTT&TTVH
942	292042	Trương Thị Minh	Hiếu	23DM033	23DM2	3	31 (C402)	ĐHCNTT&TTVH
943	292043	Võ Phạm Thị Thu	Hoa	22IT092	22MC	3	32 (C401)	ĐHCNTT&TTVH
944	292044	Nguyễn Ngọc	Hội	21IT485	21MC	3	32 (C401)	ĐHCNTT&TTVH
945	292045	Nguyễn Đức	Hùng	22IT.EB025	22BA	3	32 (C401)	ĐHCNTT&TTVH
946	292046	Huỳnh Nguyễn	Huy	24DM040	24DM	3	32 (C401)	ĐHCNTT&TTVH
947	292047	Phan Nhật	Huy	21IT414	21SE4	3	32 (C401)	ĐHCNTT&TTVH
948	292048	Nguyễn Thị Ngọc	Huyền	22DA035	22DA	3	32 (C401)	ĐHCNTT&TTVH

TT	SBD	Họ	và tên	Số thẻ SV	Lớp	Ca	Phòng	SV Trường
949	292049	Nguyễn Tôn Minh	Huyền	22IT121	22JIT	3	32 (C401)	ĐHCNTT&TTVH
950	292050	Đoàn Anh	Kiệt	22IT.B112	22MCB	3	32 (C401)	ĐHCNTT&TTVH
951	292051	Phạm Hoàng	Kim	23NS050	23NS2	3	32 (C401)	ĐHCNTT&TTVH
952	292052	K'Sor Nga Yang	Lan	22DA040	22DA	3	32 (C401)	ĐHCNTT&TTVH
953	292053	Phan Hoài	Lăng	22IT151	22SE2	3	32 (C401)	ĐHCNTT&TTVH
954	292054	Phạm Thị Thùy	Linh	23BA030	23BA	3	32 (C401)	ĐHCNTT&TTVH
955	292055	Nguyễn Lê Bảo	Nam	22CE055	22ES	3	32 (C401)	ĐHCNTT&TTVH
956	292056	Phùng Thị Mỹ	Nga	23EF026	23EF	3	32 (C401)	ĐHCNTT&TTVH
957	292057	Trần Thị Hồng	Ngọc	23DM073	23DM1	3	32 (C401)	ĐHCNTT&TTVH
958	292058	Nguyễn Thị	Nguyên	22IT191	22SE2	3	32 (C401)	ĐHCNTT&TTVH
959	292059	Nguyễn Trần Thanh	Nhật	24DM072	24DM	3	32 (C401)	ĐHCNTT&TTVH
960	292060	Hoàng Nguyễn Bảo	Nhi	23DM078	23GBA	3	32 (C401)	ĐHCNTT&TTVH
961	292061	Nguyễn Thị Yến	Nhi	22IT209	22SE1	3	32 (C401)	ĐHCNTT&TTVH
962	292062	Phan Ngọc Quỳnh	Nhung	22DA056	22DA	3	32 (C401)	ĐHCNTT&TTVH
963	292063	Nguyễn Quang	Phong	22IT.B157	22GIT	3	32 (C401)	ĐHCNTT&TTVH
964	292064	Huỳnh Thị	Phước	22IT227	22JIT	3	32 (C401)	ĐHCNTT&TTVH
965	292065	Võ Ngọc	Phước	21IT439	21SE4	3	32 (C401)	ĐHCNTT&TTVH
966	292066	Nguyễn Ái Uyên	Phương	23EF032	23EF	3	32 (C401)	ĐHCNTT&TTVH
967	292067	Nguyễn Ngọc Mai	Phương	22NS051	22NS	3	32 (C401)	ĐHCNTT&TTVH
968	292068	Đinh Thị Thanh	Phượng	23DM097	23DM1	3	32 (C401)	ĐHCNTT&TTVH
969	292069	Hồ Sỹ	Quang	22CE065	22ES	3	32 (C401)	ĐHCNTT&TTVH
970	292070	Lê Thị Như	Quỳnh	22DA063	22DA	3	32 (C401)	ĐHCNTT&TTVH
971	292071	Bùi Công	Sáng	21IT510	21SE5	3	32 (C401)	ĐHCNTT&TTVH
972	292072	Lê Thị Thanh	Tâm	23DM110	23DM1	3	32 (C401)	ĐHCNTT&TTVH
973	292073	Nguyễn Chí	Tâm	21it376	21IT5	3	32 (C401)	ĐHCNTT&TTVH
974	292074	Võ Thị Mỹ	Tâm	22DA066	22DA	3	32 (C401)	ĐHCNTT&TTVH
975	292075	Trương Phan Gia	Thịnh	23BA060	23GBA	3	32 (C401)	ĐHCNTT&TTVH
976	292076	Phạm Ánh	Thư	22DA078	22DA	3	32 (C401)	ĐHCNTT&TTVH
977	292077	Trần Ngọc Thủy	Thương	22DA080	22DA	3	32 (C401)	ĐHCNTT&TTVH
978	292078	Ngô Minh	Tiến	20CE021	20CE	3	32 (C401)	ĐHCNTT&TTVH
979	292079	Nguyễn Chánh	Tiến	22IT298	22SE2	3	32 (C401)	ĐHCNTT&TTVH
980	292080	Nguyễn Thị Thanh	Tín	22IT.EB080	22SE1B	3	32 (C401)	ĐHCNTT&TTVH
981	292081	Trần Đăng	Tín	21IT176	21SE3	3	32 (C401)	ĐHCNTT&TTVH
982	292082	Phạm Văn	Toàn	23IT.B228	23SE4	3	32 (C401)	ĐHCNTT&TTVH
983	292083	Nguyễn Văn	Tuấn	22CE089	22SE1B	3	32 (C401)	ĐHCNTT&TTVH
984	292084	Hà Văn	Việt	21AD066	21AD	3	32 (C401)	ĐHCNTT&TTVH
985	292085	Nguyễn Hữu Trường	Vũ	22IT344	22MC	3	32 (C401)	ĐHCNTT&TTVH
986	292086	Huỳnh Ngọc	Ánh	227720201003	D22	3	32 (C401)	Y Dược
987	292087	Trần Quang	Đạt	227720101062	YK22B	3	32 (C401)	Y Dược
988	292088	Nguyễn Thị Ngọc	Hà	227720201007	D22	3	33 (C404)	Y Dược
989	292089	Rơ Mah H'	Hà	237720301007	DD23	3	33 (C404)	Y Dược
990	292090	Nguyễn Nhật	Hạ	237720301008	DD23	3	33 (C404)	Y Dược
991	292091	Huỳnh Bá	Hoàng	227720201011	D22	3	33 (C404)	Y Dược
992	292092	Võ Văn Như	Hoàng	227720201013	D22	3	33 (C404)	Y Dược
993	292093	Nay H'	Hông	237720301001	DD23	3	33 (C404)	Y Dược
994	292094	Nguyễn Cao Thuỳ	Linh	227720201017	D22	3	33 (C404)	Y Dược
995	292095	Lê Thị Trà	My	227720201020	D22	3	33 (C404)	Y Dược

TT	SBD	Họ	và tên	Số thẻ SV	Lớp	Ca	Phòng	SV Trường
996	292096	Trần Thị Minh	Nguyệt	227720201025	D22	3	33 (C404)	Y Dược
997	292097	Nguyễn Thị	Quỳnh	227720201029	D22	3	33 (C404)	Y Dược
998	292098	Kpă	Trâm	237720301037	DD23	3	33 (C404)	Y Dược
999	292099	Trần Lê Ngọc	Trâm	217720501223	RHM21	3	33 (C404)	Y Dược
1000	292100	Trần Thị Cẩm	Vân	227720201042	D22	3	33 (C404)	Y Dược
1001	292101	Lương Thị Tường	Vi	227720201043	D22	3	33 (C404)	Y Dược
1002	292102	Võ Thị Thảo	Vy	237720601020	XN23	3	33 (C404)	Y Dược
1003	292103	Phạm Thời Minh	Xuân	237720601021	XN23	3	33 (C404)	Y Dược
1004	292104	Phạm Thị Như	Ý	237720601022	XN23	3	33 (C404)	Y Dược
1005	292105	Nguyễn Phúc Thiện	An	22050010	22THM	3	33 (C404)	VNUK
1006	292106	Lê Thục	Anh	22050011	22THM	3	33 (C404)	VNUK
1007	292107	Lưu Thị Linh	Chi	21010068	21IBM1	3	33 (C404)	VNUK
1008	292108	Trương Nguyễn Lê	Hằng	20050031	20THM2	3	33 (C404)	VNUK
1009	292109	Mai Tường	Hoa	22060012	22IBM1	3	33 (C404)	VNUK
1010	292110	Nguyễn Hữu	Hoàng	20010027	20IBM2	3	33 (C404)	VNUK
1011	292111	Phùng Mạnh	Huy	23050021	23THM	3	33 (C404)	VNUK
1012	292112	Lê Thị Thu	Huyền	22050012	22THM	3	33 (C404)	VNUK
1013	292113	Trần Trung	Kiên	23010045	23IBM3	3	33 (C404)	VNUK
1014	292114	Huỳnh Hữu Như	Mẫn	23090020	23SE2	3	33 (C404)	VNUK
1015	292115	Nguyễn Xuân	Nguyên	21050020	21THM	3	33 (C404)	VNUK
1016	292116	Nguyễn Minh	Nhân	22040002	22CSE	3	33 (C404)	VNUK
1017	292117	Nguyễn Nguyên Thảo	Nhi	23080013	23IBC	3	33 (C404)	VNUK
1018	292118	Đặng Hoàng	Phúc	21010106	21IBM3	3	33 (C404)	VNUK
1019	292119	Phạm Minh	Phước	21010023	21IBM2	3	33 (C404)	VNUK
1020	292120	Huỳnh Đỗ Tịnh	Quyên	22010007	22IBM2	3	33 (C404)	VNUK
1021	292121	Nguyễn Thị Diễm	Quyên	22080018	22IBC2	3	33 (C404)	VNUK
1022	292122	Nguyễn Thị Như	Quỳnh	20010121	20IBM1	3	33 (C404)	VNUK
1023	292123	Châu Quân	Thụy	22050017	22THM	3	33 (C404)	VNUK
1024	292124	Nguyễn Ngọc Mai	Thy	22010061	22IBM2	3	33 (C404)	VNUK
1025	292125	Đỗ Ngọc Bích	Trâm	22070009	22IBM1	3	33 (C404)	VNUK
1026	292126	Nguyễn Thị Ánh	Trâm	22050009	22THM	3	33 (C404)	VNUK
1027	292127	Huỳnh Lê Thủy	Trúc	20010083	20IBM2	3	33 (C404)	VNUK
1028	292128	Nguyễn Quang	Trường	20020007	20CSE	3	33 (C404)	VNUK
1029	292129	Trần Xuân Minh	Tú	22080021	22IBC1	3	33 (C404)	VNUK
1030	292130	Hoàng Gia	Uy	20020014	20CSE	3	33 (C404)	VNUK
1031	292131	Nguyễn Ngọc Tường	Uyên	21050016	21IBM3	3	33 (C404)	VNUK
1032	292132	Ngô Hùng	Vĩ	21050010	21THM	3	33 (C404)	VNUK

Danh sách có 1032 thí sinh./.